

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÉP TIỀN LÊN
Địa chỉ: G4A, Khu phố 4, Phường Tân Hiệp, TP.Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai
Điện thoại: (84-061) 3823187 Fax: (84-061) 6289043
Website: <http://www.tienlengroup.com.vn>



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2016

ANNUAL REPORT

(Ban hành kèm theo Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)
(Promulgated with the Circular No 155/2015/TT-BTC on October 06, 2015 of the Ministry of Finance guiding the Information disclosure on securities markets)

NĂM 2017

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2016
ANNUAL REPORT
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÉP TIẾN LÊN
Tienlen Steel Corporation Joint-Stock Company
Năm báo cáo/Year 2016

(Ban hành kèm theo Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)

(Promulgated with the Circular No 155/2015/TT-BTC on October 06, 2015 of the Ministry of Finance guiding the Information disclosure on securities markets)

I. Thông tin chung/ General information

1. Thông tin khái quát/ General information

- Tên giao dịch/ Trading name: Tien len Group
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số/ Certificate of business registration No: 3600512830
- Vốn điều lệ/ Charter capital: 846.455.640.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu/ Owner's capital: 846.455.640.000 đồng
- Địa chỉ/ Address: G4A, khu phố 4, P. Tân Hiệp, TP Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai
- Số điện thoại/ Telephone: 0613.823.187
- Số fax/ Fax: 0613.829.043
- Website: www.tienlengroup.com.vn
- Mã cổ phiếu (nếu có)/ Securities code (if any): TLH

Quá trình hình thành và phát triển/ Incorporation and development process

- Quá trình hình thành và phát triển/ Foundation and development process (ngày thành lập, thời điểm niêm yết, thời gian các mốc sự kiện quan trọng kể từ khi thành lập đến nay/ Date of incorporation, time of listing, and development milestones since the establishment until now).

1.1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thép Tiến Lên được thành lập năm 1988, tiền thân là một cửa hàng vật liệu xây dựng, đến năm 1993 được chuyển đổi thành doanh nghiệp tư nhân Tiến Lên, với ngành nghề kinh doanh chính là buôn bán vật liệu xây dựng, trong đó, sản phẩm chủ yếu là các sản phẩm về sắt thép. Trải qua 16 năm hoạt động và phát triển, từ doanh nghiệp tư nhân Tiến Lên, Công ty đã chuyển đổi lần thứ nhất thành Công ty TNHH Tiến Lên ngày 22/11/2001 với mức vốn điều lệ ban đầu chỉ là: 15.000.000.000đ. Từ khi hoạt động dưới hình thức công ty TNHH, lĩnh vực hoạt động của Tiến Lên được mở rộng, doanh thu và lợi nhuận tăng nhanh vượt bậc trong giai đoạn năm 2006 đến năm 2008. Đến cuối năm 2008, Tiến Lên đã tăng vốn lên 226 tỷ đồng với doanh thu trên 1.000 tỷ đồng mỗi năm. Cũng tại thời điểm này, Công ty đã tiến hành mua lại phần lớn vốn góp, sáp nhập 02

Công ty sản xuất và gia công thép hình khác là Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Đại Phúc và Công ty TNHH Thép Tây Nguyên thành công ty con của Tiến Lên với mức chi phối trên 95%, giúp cho Tiến Lên trở thành một trong những doanh nghiệp đi đầu cả nước trong việc sản xuất và kinh doanh thép hình (U,I,V) các loại. Do nhu cầu mở rộng sản xuất, tạo đà phát triển ngày một vững mạnh và khẳng định thương hiệu trên thương trường, vào ngày 18/8/2009 Công ty đã quyết định chuyển đổi từ Công ty TNHH Tiến Lên thành Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Thép Tiến Lên với hai công ty con trực thuộc là (i) Công ty TNHH Sản Xuất và Thương Mại Đại Phúc, ngày thành lập 30/11/2001, vốn điều lệ là 120.000.000.000 VNĐ, và (ii) Công ty TNHH Thép Tây Nguyên, ngày thành lập 07/08/1999, vốn

điều lệ là 161.000.000.000 VNĐ. Ngoài ra Tiên Lên còn có 1 công ty mà tập đoàn giữ quyền chi phối là Công ty Cổ Phần Thép Bắc Nam, tại Khu Công Nghiệp Tam Phước, Đồng Nai.

Để chuẩn bị cho việc hội nhập quốc tế trong thời kỳ mới, trong những năm qua, với quan điểm “Nhân lực là nguồn cội của thành công”, Tập đoàn thép Tiên Lên luôn chú trọng đầu tư phát triển nguồn nhân lực cả về chất và lượng. Đội ngũ công nhân kỹ thuật lành nghề được trang bị đầy đủ các máy móc thiết bị như máy chấn, máy cắt chính phẳng, máy thu cuộn, máy pha băng với công nghệ tiên tiến để sản xuất ra các sản phẩm như vách ngăn cách nhiệt, khung cột kết cấu, thép tấm, thép cuộn, tôn cuộn màu, ống thoát nước. Công ty đã được tổ chức JAS – ANZ của Úc và Newzealand cấp chứng chỉ ISO 9001 – 2000 và hiện nay là phiên bản mới ISO 9001 -2008 cho hệ thống quản lý chất lượng tại Trụ sở chính và Công ty thành viên. Trong năm 2008 Công ty Cổ phần Tập đoàn Thép Tiên Lên đã vinh dự được đứng trong Top 500 Doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam do Báo điện tử Vietnamnet phối hợp cùng Công ty cổ phần báo cáo đánh giá Việt Nam và Trường Đại học Kinh doanh Harvard (Mỹ) tổ chức và xếp hạng. Chính những yếu tố đó đã tạo nên thế mạnh và lợi thế cạnh tranh để Công ty phát triển bền vững và tự tin để thực hiện các mục tiêu chiến lược trong giai đoạn tiếp theo.

Quá trình tăng vốn của Tiên Lên từ khi chuyển đổi thành Công ty Cổ phần:

-Ngày 18/08/2009 Công ty TNHH Tiên Lên thực hiện chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Tập đoàn Thép Tiên lên với mức vốn thực góp là 449.530.000.000 VNĐ.

-Ngày 05/10/2009 Công ty hoàn tất việc phát hành hành riêng lẻ 9.047.000 cổ phiếu cho cán bộ - CNV công ty và một số cổ đông chiến lược bên ngoài (dưới 100 cổ đông), tăng vốn lên 540.000.000.000 VNĐ. Từ thời điểm này, Tiên Lên chính thức trở thành công ty đại chúng và đã đăng ký với UBCKNN.

-Ngày 09/09/2010, Công ty phát hành 3.706.814 cổ phiếu, tỷ lệ 6,86% để tăng vốn điều lệ lên 577.068.140.000 đồng.

-Ngày 25/03/2013, Công ty phát hành 4.674.719 cổ phiếu để trả cổ tức cho cổ đông hiện hữu, tỷ lệ 8,10% để tăng vốn điều lệ lên 623.815.330.000 đồng.

-Ngày 25/03/2013, Công ty phát hành 18.304.155 cổ phiếu để hoán đổi lấy 15.040.283 cổ phiếu của Công ty cổ phần sản xuất và thương mại Phúc Tiên vào Công CP tập đoàn thép Tiên Lên , tỷ lệ 29,34% để tăng vốn điều lệ lên 806.856.880.000 đồng.

-Ngày 17/02/2016, Công ty phát hành 3.959.876 cổ phiếu, tỷ lệ 4,9% để tăng vốn điều lệ lên 846.455.640.000 đồng.

1.2. Giới thiệu về Tập đoàn Tiên Lân.

- Tên Công ty: **Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Thép Tiên Lân.**
- Tên tiếng Anh: Tienlen Steel Corporation Joint Stock Company.
- Tên viết tắt: TLC.



- Biểu tượng của Công ty: **T.L.C**
- Vốn điều lệ: 846.455.640.000 đồng.
- Tổng số cổ phần: 84.645.556 cổ phần.
- Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng
- Loại cổ phần: cổ phần phổ thông
- Trụ sở chính: G4A, Đường Đồng Khởi, P Tân Hiệp, Tp Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.
- Điện thoại: (84-061) 3823187
- Fax: (84-061) 3892043
- Email: tienlen_metal@hcm.vnn.vn
- Website: www.tienlengroup.com.vn
- Giấy CNĐKKD : Giấy CNĐKKD số 3600512830 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp lần đầu ngày: 18/8/2009. Đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 17/02/2016.

- Các sự kiện khác/*Other events*

2. *Ngành nghề và địa bàn kinh doanh/ Lines and locations of the business:*

- *Ngành nghề kinh doanh/Lines of the business:* Sản xuất và kinh doanh sắt thép;
- *Địa bàn kinh doanh/Location of business:*

Bao gồm :

Các tỉnh miền Bắc (Hà nội, Hải Phòng, Hải Dương, Hưng Yên, Nam Định, Quảng Ninh, Thái Bình, Phú Lý, Thanh Hoá)

Các tỉnh miền Trung (Đà Nẵng, Quảng Nam, Bình Thuận, Bình Định)

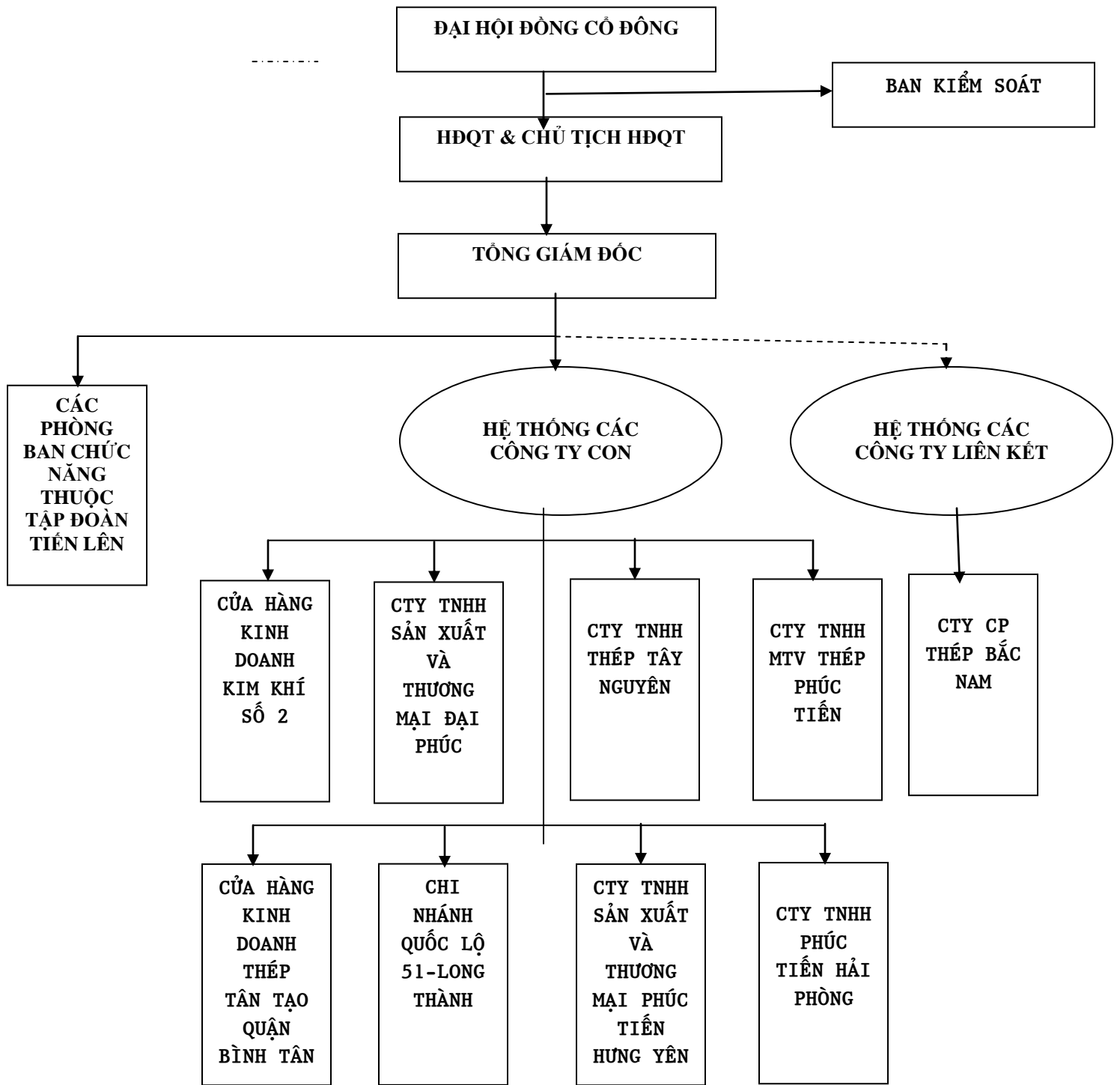
Các tỉnh miền Đông Nam Bộ (TP Hồ Chí Minh, Đồng Nai, Vũng Tàu, Bình Dương, Tây Ninh, Bình Phước)

Các tỉnh miền Tây Nam Bộ (Cần Thơ, Vĩnh Long, Long An)

3. *Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý/ Information about*

governance model, business organization and managerial apparatus

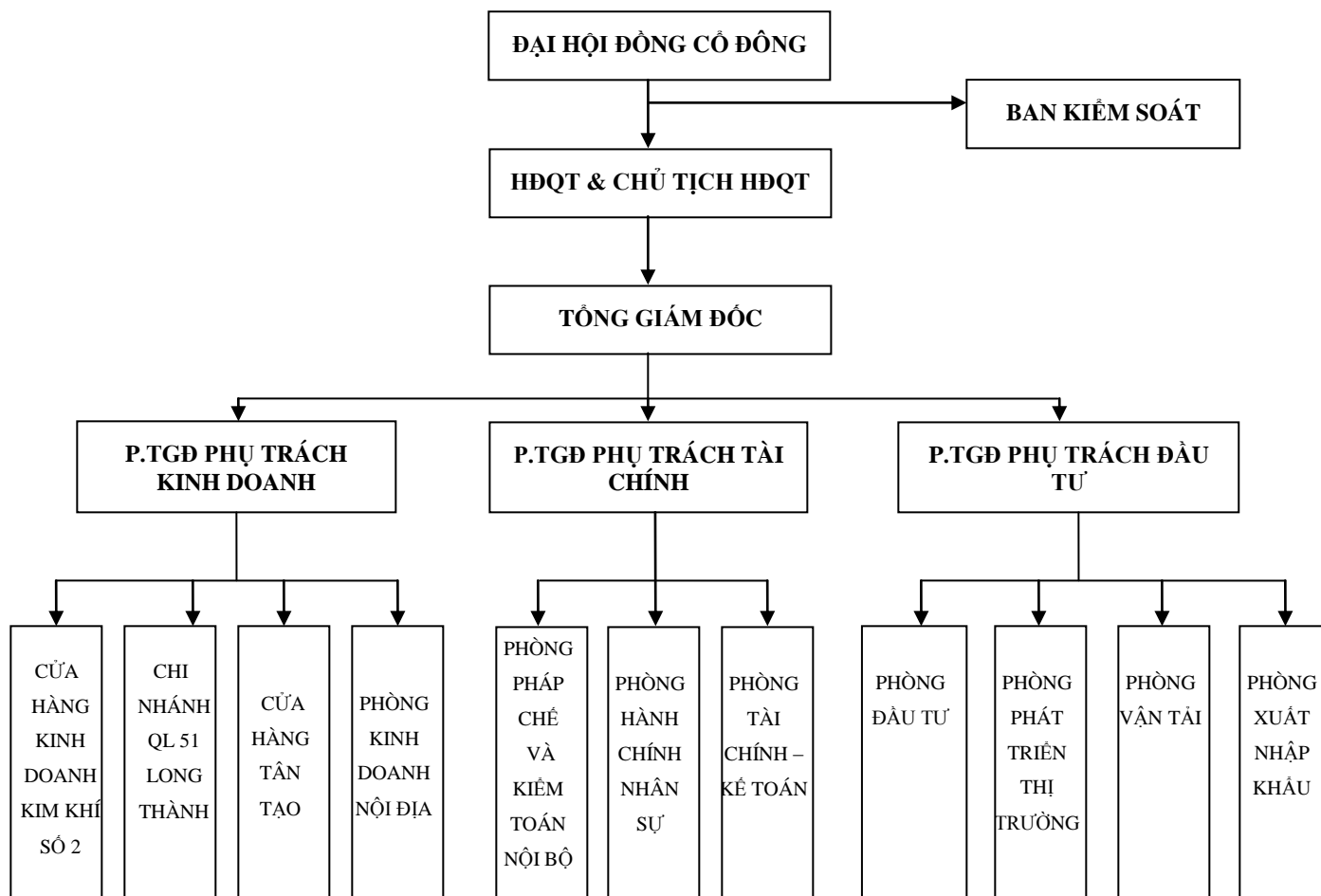
- *Mô hình quản trị/ Governance model.*



Chú thích : Đường:————— : Chỉ đạo trực tiếp
 Đường :----- : Phối hợp, hỗ trợ, kiểm soát

- Cơ cấu bộ máy quản lý/ Managementstructure.

**CƠ CẤU BỘ MÁY QUẢN LÝ CỦA CÔNG TY
CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÉP TIẾN LÊN**



Chú thích : Đường:————— : Chỉ đạo trực tiếp

Đường ÷----- : Phối hợp, hỗ trợ, kiểm soát

- Các công ty con, công ty liên kết/ Subsidiaries, associated companies:

Danh sách công ty con :

1. Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Đại Phúc

Địa chỉ : Lô 08, đường Song Hành, Khu công nghiệp Tân Tạo, Quận Bình Tân, TP HCM

Lĩnh vực kinh doanh : Sản xuất và kinh doanh thép

Vốn điều lệ thực góp : 120.000.000.000 đồng

Tỷ lệ sở hữu của công ty tại công ty con : 95,83%

2. Công ty TNHH thép Tây Nguyên

Địa chỉ : Lô 12-14, đường số 1, Khu công nghiệp Tân Tạo, Quận Bình Tân, TP HCM

Lĩnh vực kinh doanh : Sản xuất và kinh doanh thép

Vốn điều lệ thực góp : 161.000.000.000 đồng

Tỷ lệ sở hữu của công ty tại công ty con : 97,35%

3. Công ty TNHH MTV Thép Phúc Tiến

Địa chỉ : Lô 3-9A, Cụm TTCN Hai Bà Trưng, P.Hoàng Văn Thụ, Q.Hoàng Mai, TP.Hà Nội

Lĩnh vực kinh doanh : Sản xuất và kinh doanh thép

Vốn điều lệ thực góp : 214.400.300.000 đồng

Tỷ lệ sở hữu của công ty tại công ty con : 100%

Danh sách công ty sở hữu gián tiếp :

1. Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Phúc Tiến Hưng Yên

Địa chỉ : Thôn Nghĩa Trai, Xã Tân Quang, Huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

Lĩnh vực kinh doanh : Sản xuất và kinh doanh thép

Vốn điều lệ thực góp : 80.000.000.000 đồng

Tỷ lệ sở hữu gián tiếp của công ty tại công ty con : 100%

2. Công ty TNHH Phúc Tiến – Hải Phòng

Địa chỉ : Thôn Bắc Hà, xã Bắc Sơn, Huyện An Dương, TP Hải Phòng

Lĩnh vực kinh doanh : Sản xuất và kinh doanh thép

Vốn điều lệ thực góp : 37.500.000.000 đồng

Tỷ lệ sở hữu gián tiếp của công ty tại công ty liên kết : 72%

1. Công ty cổ phần thép Bắc Nam

Địa chỉ : Khu công nghiệp Tam Phước, xã Tam Phước, TP Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai

Lĩnh vực kinh doanh : Sản xuất và kinh doanh thép

Vốn điều lệ thực góp : 360.000.000.000 đồng

Tỷ lệ sở hữu của công ty tại công ty liên kết : 48%

4. Định hướng phát triển/ Development orientations

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty/ *Main objectives of the Company.*

1. Các giải pháp thực hiện:

Trong năm 2017, trên cơ sở định hướng phát triển giai đoạn 2015 – 2019, Thép Tiến Lên sẽ tiếp tục cải tiến và theo đuổi các giải pháp đã triển khai trong năm 2016 bao gồm:

Một là : Tập trung cải tiến năng lực quản lý.

Xây dựng phương thức hoạt động theo thể chế kinh tế thị trường hiện đại dựa trên ba trụ cột (Khách hàng, Người lao động và Cổ đông), coi đây là tiền đề quyết định để Công ty phát triển.

Cải cách và đổi mới các chính sách hoạt động cho từng bộ phận, từng lĩnh vực. Tiếp tục bổ sung thêm nhân sự đối với các vị trí còn thiếu, bổ sung thêm đội ngũ chuyên viên đầu ngành để phát triển công ty, tăng cường năng lực kiểm soát, kiểm tra nội bộ, tổ chức việc kiểm tra, giám sát việc thực thi công việc theo sự phân công.

Thực hiện phân quyền, giao vốn cho các Đơn vị thành viên để chủ động trong hoạt động kinh doanh.

Hai là : Chuyển đổi mô hình tăng trưởng

Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ, đặc biệt là công nghệ thông tin (CNTT) trong sản xuất và quản lý, coi CNTT là một nền tảng của phương thức phát triển mới. Nâng mức đóng góp của các nhân tố tổng năng suất: khoa học công nghệ, chất lượng nguồn nhân lực và kỹ năng quản lý hiện đại vào tăng trưởng. Đây chính là giải pháp cơ bản để nâng cao hiệu suất sử dụng vốn.

Tập trung phát triển mảng thương mại điện tử để tận dụng yếu tố công nghệ.

Đa dạng hóa các nhà cung cấp để chủ động hàng hóa đầu vào trong đó có việc xúc tiến và triển khai ký kết các hợp đồng đại lý cấp 1 với các nhà sản xuất trong nước như Posco SS, Formosa, Hòa Phát để khai thác hệ thống kho và năng lực bán hàng hiện tại.

Ba là : Đầu tư và phát triển hệ thống:

Đẩy mạnh công tác đầu tư trọng điểm vào hoạt động kinh doanh chủ lực của công ty, bao gồm:

- Đầu tư, mở rộng Chi nhánh Long Thành thành một Trung tâm kinh doanh vật liệu xây dựng trọng điểm, để cung ứng hàng hóa cho khu vực phía Đông và các khu công nghiệp trong khu vực, quyết tâm đưa công trình vào khai thác trong quý I năm 2017 để đóng góp doanh thu và lợi nhuận cho công ty.

- Hoàn thành và đưa chi nhánh Đà Nẵng vào hoạt động để khai thác khu vực thị trường miền Trung, đây là khu vực kinh tế trọng điểm.

- Cơ cấu lại việc tổ chức và khai thác tài sản, đặc biệt là văn phòng, chúng ta có thể bán bớt một văn phòng tại Hà Nội để tập trung vốn cho sản xuất kinh doanh.

- Mở rộng quan hệ hợp tác, nghiên cứu chọn đối tác liên kết phát triển các sản phẩm thép chất lượng cao, thép sau gia công để đầu tư sản xuất chuyên sâu cho nhu cầu tương lai.

- Chuyển hoạt động sản xuất của Công ty TNHH Thép Tây Nguyên về Long Thành, dùng nhà xưởng lô 12 – 14 trong khu công nghiệp để chứa hàng phục vụ hoạt động thương mại.

- Xây dựng thương hiệu và hình ảnh công ty, giữ vững danh hiệu thương hiệu cạnh tranh năm 2017 và xây dựng bộ nhận dạng thương hiệu năm 2017.

Gia tăng dịch vụ sau bán, đặc biệt là phát triển năng lực vận tải đảm bảo việc giao hàng kịp thời và hạn chế thuê ngoài.

Thay đổi tư duy, xây dựng quy trình để chủ động hội nhập quốc tế, xây dựng chương trình hành động nhằm tận dụng các cơ hội, vượt qua những thách thức khi nước ta tham gia các Hiệp định Mậu dịch tự do mới, FTA Việt Nam – EU, phù hợp với các chính sách thuế của Nhà nước.

Bốn là : Tăng cường, củng cố và ổn định năng lực tài chính.

Song song với việc kiện toàn và hoàn thiện bộ máy hoạt động, ổn định nền Sản xuất kinh doanh, Công ty sẽ chủ trương tiếp tục tăng vốn để mở rộng quy mô hoạt động và tiếp tục thực hiện các kế hoạch đầu tư cho các hạng mục chiến lược do Đại hội đồng cổ đông thống nhất.

Củng cố lại các quy chế tài chính đã áp dụng trong năm 2016, triển khai thêm một số biện pháp hữu hiệu để đối phó với những diễn biến phức tạp trong giai đoạn mới, như các vấn đề về biến động tỷ giá, thiên tai và các thay đổi về chính sách. Đề ra các giải pháp cân đối các chỉ tiêu phục vụ

cho mục đích sản xuất kinh doanh, phù hợp với đặc thù của thời kỳ mới. Phối hợp hiệu quả với các cơ quan kiểm toán để đảm bảo thời gian báo cáo minh bạch, chính xác các hoạt động trước Đại hội đồng cổ đông và nhà đầu tư.

Với vị trí quan trọng đó, trong năm 2017, Hội đồng quản trị định hướng tiếp tục duy trì tăng trưởng bền vững, tạo sự chuyển biến mạnh mẽ trong công tác điều hành, đẩy mạnh việc tăng trưởng doanh thu và hiệu quả, nâng cao tính chuyên nghiệp và hợp tác nội bộ, khẳng định thương hiệu, chất lượng dịch vụ và hàng hóa của Công ty cung cấp.

Tập trung điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh hiệu quả tiết kiệm chi phí, giảm giá thành sản xuất, nâng cao uy tín các mặt hàng truyền thống, đảm bảo sức lan tỏa các sản phẩm đến tận từng khách hàng.

Với vai trò là công ty mẹ, Công ty CP Tập đoàn Thép Tiên Lên đóng vai trò điều phối hạt nhân của hệ thống Tập đoàn, kết nối các thành viên trong Tập đoàn nhằm tăng cường nguồn lực về tài chính và quản trị cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tốt nhất cho khách hàng.

II. Tình hình hoạt động trong năm/ *Yearly Operations*

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh/ *Situation of production and business operations*

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm/ *Results of business operations in the year:*

(Nêu các kết quả đạt được trong năm. Nêu những thay đổi, biến động lớn về chiến lược kinh doanh, doanh thu, lợi nhuận, chi phí, thị trường, sản phẩm, nguồn cung cấp...vvv./Specify the results achieved for the year. Specify major changes and movements in business strategy, revenue, profits, costs, markets, products, supplies, etc..)

Các chỉ tiêu đạt được trong năm 2016 :

STT	Các chỉ tiêu kinh tế	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2016
1	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	4.055,11
	Doanh thu thuần về bán thành phẩm	Tỷ đồng	643,83
	Doanh thu thuần thu bán hàng	Tỷ đồng	3.388,32
	Doanh thu thuần dịch vụ	Tỷ đồng	12,42
	Doanh thu hoạt động tài chính	Tỷ đồng	6,40
	Doanh thu khác	Tỷ đồng	4,14
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	Tỷ đồng	2,14
3	Tổng chi phí	Tỷ đồng	3.533,67
	Giá vốn hàng bán và dịch vụ	Tỷ đồng	3.381,39
	Chi phí tài chính	Tỷ đồng	62,47
	Chi phí bán hàng	Tỷ đồng	49,17
	Chi phí quản lý doanh nghiệp	Tỷ đồng	39,21
	Chi phí khác	Tỷ đồng	1,43
4	Lãi, lỗ trong công ty liên kết	Tỷ đồng	28,25
5	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	547,55

6	Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại	Tỷ đồng	78,18
7	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	Tỷ đồng	469,37
8	Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	Tỷ đồng	456,91
9	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	Tỷ đồng	12,46
10	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	đồng/cổ phiếu	5.473
11	Tỷ lệ lãi cơ bản trên cổ phiếu	%	54,93%

Với mục tiêu phát triển bền vững, Thép Tiến Lên luôn tập trung cải tiến cơ cấu tổ chức, chính sách quản lý phù hợp với định hướng phát triển. Thép Tiến Lên tập trung phát triển đội ngũ nhân sự có trình độ cao, chuyên môn vững, dày dặn kinh nghiệm. Ưu tiên phát triển đội ngũ nhân sự kế thừa, thông qua việc luân chuyển vị trí công việc, tạo điều kiện rèn luyện, phát triển các kỹ năng mềm, tăng giá trị công việc. Đồng thời, mở mang kiến thức toàn diện cho đội ngũ kế thừa, đáp ứng sự phát triển nhân sự bền vững của Thép Tiến Lên.

Tăng trưởng tốt nhờ đẩy mạnh công tác thị trường, ngoài nguyên nhân khách quan là thị trường bất động sản năm 2016 tăng trưởng nóng, thành tích trên còn nhờ công tác thị trường và bán hàng ngày càng chuyên nghiệp, tích cực mở rộng kênh phân phối ở khắp các vùng miền, phục vụ tốt khách hàng qua đó nắm vững nhu cầu của thị trường. Mặt khác, việc đầu tư mở rộng, cải tạo thêm hệ thống kho chứa và thiết bị nâng hạ trong hệ thống đã tạo điều kiện cung ứng sản phẩm nhanh hơn, thuận lợi hơn, phục vụ tốt nhu cầu khách hàng.

Trong quan hệ cổ đông, với mục tiêu của Thép Tiến Lên là minh bạch hóa thông tin, cung cấp thông tin đầy đủ và kịp thời cho cổ đông, các nhà đầu tư và tuân thủ các quy định của pháp luật về công bố thông tin. Hàng ngày, Công ty tiếp đón các cổ đông, nhà đầu tư trong và ngoài nước đến cập nhật hoạt động sản xuất kinh doanh, tìm hiểu thông tin và tìm kiếm cơ hội hợp tác đầu tư vào công ty thông qua các hình thức: gặp gỡ trực tiếp, email, điện thoại...đồng thời với việc cập nhật thông tin về tình hình sản xuất, tiêu thụ các ngành hàng.

Công ty gặp mặt nhà đầu tư, các tổ chức tín dụng với Ban lãnh đạo công ty để cùng thảo luận và trao đổi và cập nhật thông tin về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, kết quả kinh doanh và kế hoạch kinh doanh của tập đoàn. Cổ đông, nhà đầu tư và các tổ chức tín dụng rất hài lòng về những chia sẻ cởi mở, thẳng thắn của Ban Lãnh đạo TLH. Tiếp theo đó trong năm 2017, bộ phận Quan hệ nhà đầu tư sẽ đẩy mạnh các hoạt động tạo quan hệ với nhà đầu tư nhằm tiếp cận và cung cấp thông tin cho các nhà đầu tư tốt hơn cũng như nhanh chóng phản hồi, giải đáp thông tin cho các nhà đầu tư đảm bảo tính chính xác và kịp thời.

- Tình hình thực hiện so với kế hoạch/ *Implementation situation/actual progress against the plan:*

(So sánh kết quả đạt được trong năm so với các chỉ tiêu kế hoạch và các chỉ tiêu năm liền kề. Phân tích cụ thể nguyên nhân dẫn đến việc không đạt/ đạt/vượt các chỉ tiêu so với kế hoạch và so với năm liền kề./*Comparing the actual progress with the targets and the results of the preceding years. Analyzing specific reasons of the unachievement/ achievement/ excess of the targets and against the preceding years.*)

Một số chỉ tiêu cụ thể:

Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2015	Năm 2016		Tăng giảm so với năm 2015	Tăng giảm so với KH
		Kế hoạch	Thực hiện		
Doanh thu thuần (*)	3.612 tỷ	4.000 tỷ	4.053 tỷ	12,20%	1,13%
Lợi nhuận sau thuế	(173 tỷ)	300 tỷ	469 tỷ		56,33%

(*) Doanh thu thuần được tập hợp trên cơ sở Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ thép (chiếm 99,75%) cộng với doanh thu hoạt động tài chính cộng với doanh thu khác.

Kết thúc năm 2016, Toàn Tập đoàn Thép Tiến Lên có sản lượng bán đạt trên 505.000 tấn thép các loại tăng mạnh so với năm 2015 và hoàn thành 112,20% kế hoạch về sản lượng cả năm, đem lại doanh thu là 4.053 tỷ đồng, tăng 12,20% so với doanh thu năm 2015.

Trong cơ cấu sản lượng thép tiêu thụ, Mặt hàng thép tấm cán nóng theo các tiêu chuẩn A36 (sử dụng đóng tàu), thép tấm cán nóng tiêu chuẩn SS400 và Q345 (sử dụng trong công trình giao thông và kết cấu thép xây dựng) có sức tiêu thụ mạnh trong năm 2016 chiếm tỷ trọng hơn 40% trên tổng sản lượng tiêu thụ. Tổng sản lượng thép cuộn cán nóng nhập khẩu về thực hiện gia công theo yêu cầu của khách hàng xuất xưởng đạt 106.000 tấn chiếm 21,1% trong tổng sản lượng thép tiêu thụ, đây là 02 mặt hàng có sức tăng trưởng khá kết hợp với năng lực gia công cắt cán kéo kim loại của các công ty thành viên của Thép Tiến Lên mang lại nhiều hơn giá trị gia tăng cho khách hàng. Các mặt hàng thép hình cán nóng H, U, I, V, Đường ray, Cọc cừ chiếm tỷ trọng còn lại trong cơ cấu sản lượng tiêu thụ và có nhu cầu khá ổn định.

ĐVT : Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	% (Tăng/Giảm)
Tài sản ngắn hạn	1.210	1.772	46,0 %
Tiền và các khoản tương đương	99	85	-14 %
Đầu tư tài chính ngắn hạn	17	11	-29 %
Các khoản phải thu	314	272	-13 %
Hàng tồn kho	765	1.394	82 %
<i>Dự phòng giảm giá hàng tồn kho</i>	<i>-95</i>	<i>-21</i>	
Tài sản ngắn hạn khác	15	10	-33 %
Tài sản dài hạn	602	622	3,3 %

Tài sản cố định	340	327	- 4 %
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	85	90	6 %
Đầu tư vào công ty liên kết	164	193	18 %
Tài sản dài hạn khác	13	13	0 %
Tổng tài sản của công ty	1.812	2.394	32,12 %

Tổng tài sản của TLH tại thời điểm kết thúc năm 2016 đạt 2.394 tỷ đồng, tăng mạnh với mức tăng 32,12% so với đầu năm (tương ứng tăng hơn 582 tỷ đồng). Tổng tài sản tăng chủ yếu tác động bởi hàng tồn kho tăng, mức dự trữ hàng tồn kho cuối năm 2016 tăng 82% so với đầu năm, cụ thể tổng lượng hàng tồn kho cuối năm 2016 của toàn Tập đoàn là 1.394 tỷ đồng .

ĐVT : Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	% (Tăng/Giảm)
Nợ phải trả	971,39	1.083,99	11,59 %
Nợ vay ngắn hạn	970,62	1.083,83	11,59 %
Nợ vay dài hạn	0,77	0,16	-79,22%
Vốn chủ sở hữu	840,47	1.309,84	55,84 %
Vốn góp của sở hữu	846,46	846,46	0 %
Lợi nhuận chưa phân phối và các quỹ	-5,99	463,38	78,36 %
Tổng nguồn vốn	1.811,86	2.393,83	32,12 %

Tổng nguồn vốn của Thép Tiến Lên cuối năm 2016 là 2.394 tỷ đồng mức tăng tương ứng với mức tăng của Tổng tài sản so với đầu năm là 32,12 %,

- Trong đó vốn chủ sở hữu tăng 56,0 % tương đương 470 tỷ đồng, Phần tăng trên đóng góp chủ yếu từ kết quả kinh doanh 2016 thông qua khoản lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.
- Thực hiện nghị quyết đại hội đồng cổ đông năm 2016, ngày 30/12/2016, Công ty thực hiện chốt danh sách để tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2016 với mức 10% bằng tiền mặt.
- Nợ ngắn hạn tăng 114 tỷ để tài trợ cho hàng tồn kho tăng thêm trong cơ cấu vốn lưu động với chi phí sử dụng vốn trung bình 6,5 %/năm.

Trong tương quan cơ cấu vốn và việc sử dụng vốn, Hội đồng quản trị khẳng định rằng TLH sẽ tiếp tục duy trì một cơ cấu vốn an toàn và chủ động trong tài chính với hệ số **nợ/ vốn chủ** ở mức **0,82 lần** (chỉ số này của các công ty cùng ngành đang niêm yết đang duy trì tỷ số nợ ở mức **2,33 đến 4,18**

lần). Như vậy cứ 100 đồng đưa vào kinh doanh thì Thép Tiến Lên dùng 45 đồng là nợ vay, trong khi các công ty khác cùng ngành thì dùng đến 70 đồng đến 80 đồng là nợ vay.

Công ty cũng cảm ơn về sự hỗ trợ và đồng hành của các Ngân hàng đã cùng Chúng ta hợp tác và phát triển trong suốt những năm qua, hiện nay hạn mức Thép Tiến Lên được cấp và duy trì ở các tổ chức tín dụng lên đến trên 3.000 tỷ đồng với mức chi phí sử dụng vốn vay bình quân 6,5%/ năm.

Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2015	Thực hiện năm 2016	(+/-)
Hiệu suất sử dụng tổng tài sản	1,80 lần/năm	1,93 lần/năm	Tăng
Hiệu suất sử dụng tài sản cố định	10,73 lần/năm	12,13 lần/năm	Tăng
Vòng quay hàng tồn kho	4,19 lần/năm	3,74 lần/năm	Giảm
Vòng quay Vốn chủ sở hữu	3,69 lần/năm	3,76 lần/năm	Tăng

Ngoại trừ hàng tồn kho tăng theo kế hoạch chủ động nguồn cung ứng, còn các chỉ tiêu khác về năng lực hoạt động của công ty đều tăng: Như sử dụng tổng tài sản hiệu quả hơn, sử dụng tài sản cố định hiệu quả hơn và sử dụng vốn chủ sở hữu hiệu quả hơn là đóng góp lớn và phản ánh tính hiệu quả của hoạt động kinh doanh năm 2016 của Công ty.

ĐVT : Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2015	Thực hiện năm 2016	% /Doanh thu 2015	% /Doanh thu 2016
Doanh thu	3.613	4.053	100%	100%
Giá vốn hàng bán	3.606	3.383	99,81%	83,47%
Chi phí bán hàng	38	49	1,05%	1,21%
Chi phí quản lý	44	39	1,22%	0,96%
Chi phí tài chính	77	62	2,13%	1,53%
<i>Trong đó chi phí lãi vay</i>	<i>65</i>	<i>62</i>	<i>1,80%</i>	<i>1,53%</i>
Chi phí khác	9	1	0,25%	0,02%

Với hiệu quả từ ngành kinh doanh đem lại mức lợi nhuận biên 16,62% đem lại cho chúng ta một mức lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh chính toàn năm là 661 tỷ đồng (theo báo cáo kiểm toán).

Ngoài ra tỷ trọng chi phí quản lý, chi phí tài chính và chi phí khác đều giảm so với năm 2015, cho thấy việc kiểm soát tốt chi chí toàn hệ thống năm 2016.

ĐVT : Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2015	Năm 2016		% Thực hiện so với Kế hoạch
		Kế hoạch	Thực hiện	
Lợi nhuận sau thuế	-173 tỷ	300 tỷ	469 tỷ	+56,33
Tỷ suất lợi nhuận trên Doanh thu	-4,8 %	7,5 %	11,6 %	+4,10
Tỷ suất lợi nhuận trên Tổng tài sản	-9,6 %	12,5 %	19,6 %	+7,10
Tỷ suất lợi nhuận trên Vốn chủ sở hữu (ROE)	-20,6 %	22,9 %	35,8 %	+12,90

Theo các chỉ tiêu trên, ta thấy rằng năm 2016, cứ 100 đồng doanh thu bán hàng, chúng ta có được 11,6 đồng lợi nhuận sau thuế,

Trong tương quan doanh thu và lợi nhuận năm 2016 đều tăng các chỉ số trên tăng mạnh so với năm 2015 và vượt kế hoạch đề ra.

+ Về cổ phiếu của Công ty CP Tập đoàn Thép Tiên Lên.

- Mã cổ phiếu : TLH
- Niêm yết : Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh (HOSE)
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng đầu năm : 84.645.564 cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu phát hành thành công trong năm : 0 cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng cuối năm : 84.645.564 cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu đã được mua lại (Cổ phiếu quỹ): 1.460.000 cổ phiếu
(Thực hiện mua từ ngày 17/06/2015 đến ngày 16/07/2015; Đã mua thành công 1.460.000 cổ phiếu; Giá mua bình quân: 6.164 đồng/cổ phiếu)
- Số lượng cổ phiếu hiện lưu hành cuối năm : 83.185.564 cổ phiếu

2. Tổ chức và nhân sự/Organization and Human resource

- Danh sách Ban điều hành/ *List of the Board of Directors*: (Danh sách, tóm tắt lý lịch và tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành của Tổng Giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các cán bộ quản lý khác/ *List, curriculum vitae and ownership percentage in voting shares and other securities issued by the Company of the General Director, Deputy General Directors, Chief Accountant and other managers*).

a) Bà Phạm Thị Hồng Sinh năm : 1968 Chức vụ : Tổng giám đốc

Trình độ văn hoá : 12/12 Trình độ chuyên môn : Quản trị kinh doanh

Quá trình công tác :

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ	Khen thưởng	Kỷ luật
1993-2001	DNTN Tiến Lên	Quản lý	Không	Không
2002-T10/ 2009	Công Ty TNHH Tiến Lên	Giám đốc	Không	Không
T10/09 đến nay	CTY CP Tập Đoàn Thép Tiến Lên	Tổng Giám Đốc	Không	Không

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết :

b) Ông Nguyễn Văn Quang Sinh năm : 1961 Chức vụ : Phó tổng giám đốc

Trình độ văn hoá : 12/12

Trình độ chuyên môn : Quản trị kinh doanh

Quá trình công tác :

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ	Khen thưởng	Kỷ luật
1993-2001	DNTN Tiến Lên	TP.Kinh doanh	Không	Không
2002-T9/2009	Công Ty TNHH Tiến Lên	P.Giám đốc	Không	Không
T10/2009 đến nay	Công Ty CP Tập Đoàn Thép Tiến Lên	P.Tổng Giám đốc	Không	Không

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết : 9,43%

b) Ông Dương Quang Bình Sinh năm : 1964 Chức vụ : Phó tổng giám đốc

Trình độ văn hoá : 12/12

Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế, Cử nhân luật

Quá trình công tác :

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ	Khen thưởng	Kỷ luật
Từ tháng 2/1987 đến tháng 04/1989	Cty cung ứng dịch vụ Vĩnh An	Kế toán trưởng	Không	Không
Từ tháng 05/1989 đến tháng 4/1990	Cty dịch vụ du lịch Vĩnh An	Kế toán trưởng	Không	Không
Từ tháng 05/1990 đến tháng 3/1995	Cty thương nghiệp Vĩnh An	Phó phòng kế toán	Không	Không
Từ tháng 4/1995 đến tháng 4/1999	Trạm kinh doanh thương mại tổng hợp	Kế toán trưởng	Không	Không
	Công ty thương mại dịch vụ Biên Hòa	Phó phòng kế toán	Không	Không
	Công ty thương mại dịch vụ Biên Hòa.	Phó phòng kế hoạch và đầu tư	Không	Không

	Trung tâm kinh doanh xuất nhập khẩu hàng thủ công mỹ nghệ - Công ty thương mại dịch vụ Biên Hòa.	Giám đốc trung tâm	Không	Không
Từ tháng 5/1999 đến 2002	DNTN Tiên Lên	Kế toán trưởng	Không	Không
Từ tháng 10/2002 đến 2003	Cty TNHH Tiên Lên	Kế toán trưởng	Không	Không
Từ tháng 1/2003 đến 2009	Công ty TNHH Tiên Lên	Phó giám đốc công ty	Không	Không
Từ tháng 01/2010 đến nay	Cty CP tập đoàn thép Tiên Lên	Phó tổng giám đốc	Không	Không

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết : 0,03%

b) Bà Đào Thị Kim Loan Sinh năm : 1978 Chức vụ : Kế toán trưởng

Trình độ văn hoá : 12/12 Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác :

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ	Khen thưởng	Kỷ luật
2002-2007	Công ty TNHH Tiên Lên	Kế toán tổng hợp	Không	Không
2007-9/2009	Công ty TNHH Tiên Lên	Kế toán trưởng	Không	Không
10/2009-đến nay	Cty CP Tập Đoàn Thép Tiên Lên	Kế toán trưởng	Không	Không

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết : 0,07%

- Số lượng cán bộ, nhân viên. Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động./Number of staffs. Summary and changes of the employee policies.

Số cán bộ công nhân viên có đến 31/12/2016 là 75 người

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án/Investment activities, project implementation

a) Các khoản đầu tư lớn/ Major investments: Nêu các khoản đầu tư lớn được thực hiện trong năm (bao gồm các khoản đầu tư tài chính và các khoản đầu tư dự án/), tình hình thực hiện các dự án lớn. Đối với trường hợp công ty đã chào bán chứng khoán để thực hiện các dự án, cần nêu rõ tiến độ thực hiện các dự án này và phân tích nguyên nhân dẫn đến việc đạt/không đạt tiến độ đã công bố và cam kết)/ Specify major investments implemented for the year (including financial investments and projects investment), the implementation progress of major projects. Incase the Company has conducted public offering for the projects, it is necessary to indicate the progress of implementation of the projects and analyze the reasons incase of achievement/failure to achieve the announced and committed targets.

b) Các công ty con, công ty liên kết/ *Subsidiaries, associated companies*: (Tóm tắt về hoạt động và tình hình tài chính của các công ty con, công ty liên kết)/ *(Summarizing the operations and financial situation of the subsidiaries, associated companies)*.

b1) Công ty cổ phần thép Bắc Nam (Cty liên kết) :

Bảng cân đối kết toán đến 31/12/2016

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
			VND	VND
100	TÀI SẢN NGẮN HẠN		359.724.677.181	321.942.915.987
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	10.459.376.981	19.677.201.627
111	1. Tiền		10.031.498.372	13.170.332.573
112	2. Các khoản tương đương tiền		427.878.609	6.506.869.054
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		62.297.506.157	36.236.243.805
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	4	49.315.180.125	32.260.838.847
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		12.829.674.686	3.016.476.000
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	5	152.651.346	958.928.958
140	IV. Hàng tồn kho	6	286.652.906.789	255.944.026.099
141	1. Hàng tồn kho		291.016.211.820	260.449.710.105
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		(4.363.305.031)	(4.505.684.006)
150	Tài sản ngắn hạn khác		314.887.254	10.085.444.456
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	9	-	23.124.260
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		313.762.173	10.062.320.196
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	11	1.125.081	-
	- Thuế Thu nhập cá nhân		1.125.081	-
200	TÀI SẢN DÀI HẠN		379.194.771.154	386.750.779.312
220	II. Tài sản cố định		13.485.389.825	16.705.327.686

22					
1	1.	Tài sản cố định hữu hình	8	13.485.389.825	16.705.327.686
22	2	- Nguyên giá		35.260.715.186	35.260.715.186
22	3	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(21.775.325.361)	(18.555.387.500)
24		Tài sản dở dang dài hạn			
0	IV.	hạn	7	362.669.138.799	365.826.876.373
24	1.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		362.669.138.799	365.826.876.373
26		Tài sản dài hạn khác			
0	VI.	Chi phí trả trước dài hạn		3.040.242.530	4.218.575.253
26	1.	hạn	9	3.040.242.530	4.218.575.253
27		TỔNG CỘNG TÀI SẢN		738.919.448.335	708.693.695.299
0					

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2016		01/01/2016	
			VND		VND	
300	C					
	. NỢ PHẢI TRẢ		321.336.873.253	348.453.531.084		
310	I. Nợ ngắn hạn		321.336.873.253	348.453.531.084		
311	1.	Phải trả người bán ngắn hạn	10	138.255.801.712	146.088.139.538	
312	2.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn		6.687.724.226	15.703.631	
313	3.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	11	6.380.460.368	307.627.467	
314	4.	Phải trả người lao động		1.281.925.742	837.686.487	
315	5.	Chi phí phải trả ngắn hạn		196.597.554	186.283.434	
319	6.	Phải trả ngắn hạn khác	12	48.943.622	18.636.679.087	
320	7.	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	13	168.485.420.029	182.381.411.440	
400	D					
	. VỐN CHỦ SỞ HỮU		417.582.575.082	360.240.164.215		
410	I. Vốn chủ sở hữu	14	417.582.575.082	360.240.164.215		
411	1.	Vốn góp của chủ sở hữu		360.000.000.000	360.000.000.000	
411	a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		360.000.000.000	360.000.000.000	
421	2.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		57.582.575.082	240.164.215	
421	a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		240.164.215	-	
421	b	LNST chưa phân phối năm nay		57.342.410.867	240.164.215	
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		738.919.448.335	708.693.695.299		

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2016

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2016		Năm 2015	
			VND		VND	
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	16	938.181.992.164		789.463.737.545	
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu			-		
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		938.181.992.164	-	789.463.737.545	
11	4. Giá vốn hàng bán	17	840.533.093.481		761.192.924.602	
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		97.648.898.683	-	28.270.812.943	
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	18	1.559.019.355		928.522.410	
22	7. Chi phí tài chính	19	14.048.568.228		17.574.924.642	
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		<i>13.474.387.148</i>		<i>14.088.873.479</i>	
25	8. Chi phí bán hàng	20	6.661.243.543		5.922.463.175	
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	21	5.129.637.029		5.604.457.401	
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		73.368.469.238	-	97.490.135	
31	11. Thu nhập khác	22	84.600.069		1.298.720.479	
32	12. Chi phí khác	23	964.526.612		301.710.347	
40	13. Lợi nhuận khác		(879.926.543)	-	997.010.132	
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		72.488.542.695	-	1.094.500.267	
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	24	15.146.131.828		854.336.052	

60	17.	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				<u>57.342.410.867</u>	-	<u>240.164.215</u>
70	18.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	25	1.593	-			7

b2) Công ty TNHH Sản xuất và thương mại Đại Phúc :

Bảng cân đối kế toán đến ngày 31/12/2016

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	<u>31/12/2016</u> VND	<u>01/01/2016</u> VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		369.087.576.067	237.915.483.654
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	9.931.849.565	15.642.368.609
111	1. Tiền		7.587.635.211	6.551.863.269
112	2. Các khoản tương đương tiền		2.344.214.354	9.090.505.340
	- Tiền gửi có kỳ hạn		-	-
	- Trái phiếu		-	-
	- Các khoản đầu tư khác nắm giữ đến ngày đáo hạn		-	-
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		125.497.000.827	133.174.676.518
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6	125.319.670.232	128.152.455.971
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	7	99.505.011	5.111.792.360
135	2. Phải thu về cho vay ngắn hạn		-	-
	Phải thu ngắn hạn khác			
136	3. khác	9	77.825.584	1.010.428.187
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		-	(1.100.000.000)
140	IV. Hàng tồn kho	12	229.583.568.731	83.497.553.838
141	1. Hàng tồn kho		229.583.568.731	90.031.183.130
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		-	(6.533.629.292)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		4.075.156.944	5.600.884.689
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		16.694.052	36.690.300
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		4.058.462.892	4.155.595.619
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	22	-	1.408.598.770
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		71.029.516.992	72.991.250.007
220	II. Tài sản cố định		71.029.516.992	72.991.250.007
221	1. Tài sản cố định hữu hình	14	35.607.642.969	36.598.549.452
222	- Nguyên giá		57.632.832.065	57.091.450.888

223	-	Giá trị hao mòn lũy kế		(22.025.189.096)	(20.492.901.436)
227	2.	Tài sản cố định vô hình	16	35.421.874.023	36.392.700.555
228	-	Nguyên giá		42.055.855.325	42.055.855.325
229	-	Giá trị hao mòn lũy kế		(6.633.981.302)	(5.663.154.770)
270		TỔNG CỘNG TÀI SẢN		440.117.093.059	310.906.733.661
Mã số		NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
				VND	VND
300	C.	NỢ PHẢI TRẢ		246.977.400.240	197.009.996.015
310	I.	Nợ ngắn hạn		246.977.400.240	197.009.996.015
311	1.	Phải trả người bán ngắn hạn	20	490.380.786	2.794.854.447
312	2.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn		374.949.736	343.624.294
313	3.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	22	6.779.115.011	-
314	4.	Phải trả người lao động		1.319.085.533	925.154.526
315	5.	Chi phí phải trả ngắn hạn		-	522.610.100
319	6.	Phải trả ngắn hạn khác	25	909.785.225	1.176.126.455
320	7.	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	26	235.667.389.119	189.764.382.863
322	8.	Quỹ khen thưởng phúc lợi		1.436.694.830	1.483.243.330
400	D.	VỐN CHỦ SỞ HỮU		193.139.692.819	113.896.737.646
410	I.	Vốn chủ sở hữu	30	193.139.692.819	113.896.737.646
411	1.	Vốn góp của chủ sở hữu		120.000.000.000	120.000.000.000
411a		Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		120.000.000.000	120.000.000.000
418	2.	Quỹ đầu tư phát triển		21.024.355.116	21.024.355.116
421	3.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		52.115.337.703	(27.127.617.470)
421a		LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		(27.127.617.470)	-
421b		LNST chưa phân phối kỳ này		79.242.955.173	(27.127.617.470)
440		TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		440.117.093.059	310.906.733.661

Báo cáo kết quả kinh doanh năm 2016

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Từ 01/01/2016 đến 31/12/2016	Từ 01/01/2015 đến 31/12/2015
--------------	-----------------	--------------------	---	---

			VND	VND	
01	1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	35	1.672.754.599.935	1.563.898.542.643
02	2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	36	1.626.707.170	813.538.908
	-	Chiết khấu thương mại		-	
	-	Hàng bán bị trả lại		1.626.707.170	805.034.314
	-	Giảm giá hàng bán		-	8.504.594
10	3.	Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		1.671.127.892.765	1.563.085.003.735
11	4.	Giá vốn hàng bán	37	1.546.943.073.607	1.554.324.716.872
20	5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		124.184.819.158	8.760.286.863
21	6.	Doanh thu hoạt động tài chính	38	1.057.691.355	336.008.762
22	7.	Chi phí tài chính	39	15.064.743.272	18.372.688.749
23		<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		<i>14.893.643.466</i>	<i>18.082.489.743</i>
25	8.	Chi phí bán hàng	40	10.549.332.475	7.248.094.244
26	9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	41	5.673.583.707	7.392.655.002
30	10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		93.954.851.059	(23.917.142.370)
31	11.	Thu nhập khác	42	1.133.195.154	561.729.811
32	12.	Chi phí khác	43	48.515.096	3.772.204.911
40	13.	Lợi nhuận khác		1.084.680.058	(3.210.475.100)
50	14.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		95.039.531.117	(27.127.617.470)
51	15.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	44	15.796.575.944	-
52	16.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17.	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		79.242.955.173	(27.127.617.470)
70	18.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	46	-	-
71	19.	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	47	-	-

b3) Công ty TNHH thép Tây Nguyên :

Bảng cân đối kế toán đến ngày 31/12/2016

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
			VND	VND
100	TÀI SẢN NGẮN HẠN		322.487.393.979	277.031.229.597
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	10.123.542.914	17.528.013.461
111	1. Tiền		2.340.119.394	10.886.566.794
112	2. Các khoản tương đương tiền		7.783.423.520	6.641.446.667
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		20.742.409.551	80.086.452.264
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	17.161.501.280	77.167.750.394
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		2.339.990.531	60.320.038
134	2. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng		-	-
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn		1.147.150.000	-
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	7	93.767.740	2.858.381.832
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)		-	-
139	4. Tài sản thiếu chờ xử lý		-	-
140	IV. Hàng tồn kho	9	291.546.700.400	178.402.877.819
141	1. Hàng tồn kho		292.598.018.641	193.811.594.131
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		(1.051.318.241)	(15.408.716.312)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		74.741.114	1.013.886.053
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		14.753.788	460.457.279
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		59.987.326	185.765.248
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	17	-	367.663.526
154	3. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ		-	-
155	3. Tài sản ngắn hạn khác		-	-
200	TÀI SẢN DÀI HẠN		45.429.390.077	51.739.125.658
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		10.600.000	600.000
216	1. Phải thu dài hạn khác		10.600.000	600.000
219	1. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)		-	-
220	II. Tài sản cố định		41.313.264.406	47.499.659.844
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	30.263.498.577	36.387.746.627
222	- Nguyên giá		80.733.241.005	81.074.574.338
223	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(50.469.742.428)	(44.686.827.711)
227	2. Tài sản cố định vô hình	13	11.049.765.829	11.111.913.217

228	-	Nguyên giá		12.313.343.132	12.313.343.132
229	-	Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(1.263.577.303)	(1.201.429.915)
240	IV.	Tài sản dở dang dài hạn	10	4.104.819.245	4.104.819.245
242	1.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		4.104.819.245	4.104.819.245
260	VI.	Tài sản dài hạn khác		706.426	134.046.569
261	1.	Chi phí trả trước dài hạn		706.426	134.046.569
270		TỔNG CỘNG TÀI SẢN		367.916.784.056	328.770.355.255
Mã số		NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
				VND	VND
300	C.	NỢ PHẢI TRẢ		139.354.331.241	184.200.766.613
310	I.	Nợ ngắn hạn		139.354.331.241	184.200.766.613
311	1.	Phải trả người bán ngắn hạn	16	6.113.449.736	42.382.911.053
312	2.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn		1.038.255.411	401.934.178
313	3.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	17	7.355.160.892	-
314	4.	Phải trả người lao động		1.296.233.428	892.582.558
315	5.	Chi phí phải trả ngắn hạn		-	112.168.313
319	6.	Phải trả ngắn hạn khác	18	733.987.977	1.492.440.052
320	7.	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	19	121.439.858.790	137.505.470.452
321	7.	Dự phòng phải trả ngắn hạn		-	-
322	8.	Quỹ khen thưởng phúc lợi		1.377.385.007	1.413.260.007
323	8.	Quỹ bình ổn giá		-	-
400	D.	VỐN CHỦ SỞ HỮU		228.562.452.815	144.569.588.642
410	I.	Vốn chủ sở hữu	23	228.562.452.815	144.569.588.642
411	1.	Vốn góp của chủ sở hữu		161.000.000.000	161.000.000.000
418	2.	Quỹ đầu tư phát triển		19.295.955.278	19.295.955.278
421	3.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		48.266.497.537	(35.726.366.636)
421b		LNST chưa phân phối kỳ này		48.266.497.537	(35.726.366.636)
440		TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		367.916.784.056	328.770.355.255

Báo cáo kết quả kinh doanh năm 2016

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2016	Năm 2015
--------------	-----------------	--------------------	-----------------	-----------------

			VND	VND	
01	1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	28	1.054.168.014.671	1.035.601.456.412
02	2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	29	512.500.665	4.866.895
10	3.	Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		1.053.655.514.006	1.035.596.589.517
11	4.	Giá vốn hàng bán	30	935.961.684.656	1.049.032.404.536
20	5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		117.693.829.350	(13.435.815.019)
21	6.	Doanh thu hoạt động tài chính	31	677.302.771	712.157.607
22	7.	Chi phí tài chính	32	8.439.263.147	9.298.753.279
23		<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		8.421.853.256	9.100.303.160
25	8.	Chi phí bán hàng	33	8.579.740.051	7.694.050.452
26	9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	34	5.179.681.315	4.221.924.329
30	10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		96.172.447.608	(33.938.385.472)
31	11.	Thu nhập khác	35	820.863.753	507.774.861
32	12.	Chi phí khác	36	34.861.020	2.295.756.025
40	13.	Lợi nhuận khác		786.002.733	(1.787.981.164)
50	14.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		96.958.450.341	(35.726.366.636)
51	15.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	37	12.965.586.168	-
60	17.	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		83.992.864.173	(35.726.366.636)
70	18.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	39	-	-
71	19.	Lãi suy giảm trên cổ phiếu		-	-

b4) Công ty TNHH MTV thép Phúc Tiến :

Bảng cân đối kế toán đến ngày 31/12/2016

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		350.421.031.999	285.091.373.117
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	6.744.693.537	13.168.516.847

111	1.	Tiền		1.591.887.093	1.216.842.402
	-	Tiền mặt tại quỹ		66.661.000	15.511.000
	-	Tiền gửi ngân hàng		1.525.226.093	1.201.331.402
	-	Tiền đang chuyển		-	-
112	2.	Các khoản tương đương tiền		5.152.806.444	11.951.674.445
	-	Tiền gửi có kỳ hạn (< 3tháng)		5.152.806.444	11.951.674.445
	-	Các khoản đầu tư khác nắm giữ đến ngày đáo hạn		-	-
120	II.	Đầu tư tài chính ngắn hạn	4	1.148.525.000	645.760.000
121	1.	Chứng khoán kinh doanh		1.238.775.000	1.012.800.000
122	2.	Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		(90.250.000)	(367.040.000)
	-	Tiền gửi có kỳ hạn		-	-
	-	Trái phiếu		-	-
	-	Các khoản đầu tư khác nắm giữ đến ngày đáo hạn		-	-
130	III.	Các khoản phải thu ngắn hạn		185.141.407.508	189.961.176.273
131	1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	142.212.997.405	132.278.706.521
132	2.	Trả trước cho người bán ngắn hạn		213.750.000	6.421.873.153
	-	Phải thu nội bộ (dư nợ TK 1368)		-	-
	-	Phải thu nội bộ (dư nợ TK 336)		-	-
135	5.	Phải thu về cho vay ngắn hạn		-	-
136	6.	Phải thu ngắn hạn khác	5	44.115.260.897	51.427.727.737
	-	Phải thu về cổ phần hoá (TK1385)		-	-
	-	Phải thu cán bộ công nhân viên (TK334 Dư nợ)		-	-
	-	Kinh phí công đoàn (dư nợ TK 3382)		-	-
	-	Bảo hiểm xã hội (dư nợ TK 3383)		-	-
	-	Bảo hiểm y tế (dư nợ TK 3384)		-	-
	-	Bảo hiểm thất nghiệp (dư nợ TK 3389)		-	-
	-	Tạm ứng (TK141)		1.264.389.500	6.144.422.978
	-	Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn(TK244)		25.516.040	15.646.085
	-	Phải thu khác (TK1388)		42.825.355.357	45.267.658.674
	-	Phải trả khác (dư nợ TK 3388)		-	-
137	7.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(1.400.600.794)	(167.131.138)
139	8.	Tài sản thiếu chờ xử lý		-	-
140	IV.	Hàng tồn kho	6	156.747.559.477	80.797.500.681
141	1.	Hàng tồn kho		157.337.086.024	85.931.641.517
	-	Hàng mua đang đi đường		-	-
	-	Nguyên liệu, vật liệu		53.527.104.088	32.513.879.915
	-	Công cụ, dụng cụ		-	-
	-	Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang		-	-
	-	Thành phẩm		-	-
	-	Hàng hoá		103.809.981.936	53.417.761.602
	-	Hàng gửi đi bán		-	-
	-	Hàng hoá kho bảo thuế		-	-
149	2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(589.526.547)	(5.134.140.836)

150	V.	Tài sản ngắn hạn khác		638.846.477	518.419.316
151	1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	10	363.885.727	217.620.667
152	2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		274.939.171	45.917.798
		Thuế và các khoản khác phải thu Nhà			
153	3.	nước	13	21.579	254.880.851
	-	Thuế GTGT		-	-
	-	Thuế Tiêu thụ đặc biệt		-	-
	-	Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu		-	-
	-	Thuế Thu nhập doanh nghiệp		-	254.880.851
	-	Thuế TNCN		21.579	-
	-	Thuế Tài nguyên		-	-
	-	Thuế Nhà đất, Tiền thuê đất		-	-
	-	Thuế bảo vệ môi trường và các loại thuế khác		-	-
	-	Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác		-	-
200	B.	TÀI SẢN DÀI HẠN		127.301.691.744	83.301.233.046
	-	Phải thu về cổ phần hoá (TK1385)		-	-
	-	Phải thu cán bộ công nhân viên (TK334 Dư nợ)		-	-
	-	Kinh phí công đoàn (dư nợ TK 3382)		-	-
	-	Bảo hiểm xã hội (dư nợ TK 3383)		-	-
	-	Bảo hiểm y tế (dư nợ TK 3384)		-	-
	-	Bảo hiểm thất nghiệp (dư nợ TK 3389)		-	-
	-	Tạm ứng (TK141)		-	-
	-	Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn (TK244)		-	-
	-	Phải thu dài hạn khác (TK1388)		-	-
	-	Phải trả khác (dư nợ TK 3388)		-	-
220	II.	Tài sản cố định		15.195.314.498	16.369.352.018
221	1.	Tài sản cố định hữu hình	8	6.026.750.862	7.200.788.382
222	-	Nguyên giá		18.178.350.538	18.178.350.538
223	-	Giá trị hao mòn lũy kế		(12.151.599.676)	(10.977.562.156)
227	3.	Tài sản cố định vô hình	9	9.168.563.636	9.168.563.636
228	-	Nguyên giá		9.168.563.636	9.168.563.636
240	IV.	Tài sản dở dang dài hạn	7	5.056.423.430	5.056.423.430
242	2.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		5.056.423.430	5.056.423.430
250	IV.	Đầu tư tài chính dài hạn	4	107.000.000.000	61.780.364.184
251	1.	Đầu tư vào công ty con		107.000.000.000	107.000.000.000
254	4.	Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		-	(45.219.635.816)
255	5.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		-	-
260	V.	Tài sản dài hạn khác		49.953.816	95.093.414
261	1.	Chi phí trả trước dài hạn	10	49.953.816	95.093.414
	-	Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn		-	-
	-	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (vật tư thay thế)		-	-

Mã số	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	Thuyết minh	477.722.723.743	368.392.606.163
			31/12/2016	01/01/2016
	NGUỒN VỐN		VND	VND
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		140.784.326.328	117.028.220.542
310	I. Nợ ngắn hạn		140.739.326.328	116.972.150.236
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	12	32.378.226.207	23.512.813.650
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		6.638.046.901	3.397.283.268
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13	7.088.915.656	11.668.723
	- Thuế GTGT		-	-
	- Thuế Tiêu thụ đặc biệt		-	-
	- Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu		-	-
	- Thuế Thu nhập doanh nghiệp		7.076.669.149	-
	- Thuế TNCN		12.246.507	11.668.723
	- Thuế Tài nguyên		-	-
	- Thuế Nhà đất, Tiền thuê đất		-	-
	- Các loại thuế khác		-	-
	- Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác		-	-
314	4. Phải trả người lao động		732.902.312	162.360.000
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	14	337.346.548	772.963.456
	- Phải trả nội bộ (dư có TK 1368)		-	-
	- Phải trả nội bộ (dư có TK 336)		-	-
319	9. Phải trả ngắn hạn khác	15	6.391.437	586.407.025
	- Tài sản thừa chờ xử lý		-	-
	- Kinh phí công đoàn		6.330.200	5.907.220
	- Bảo hiểm xã hội		-	1
	- Bảo hiểm y tế		-	-
	- Bảo hiểm thất nghiệp		-	-
	- Phải trả về cổ phần hoá		-	-
	- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn		-	-
	- Các khoản phải trả, phải nộp khác		61.237	579.839.804
	- Phải thu khác (Dư Có TK 1388)		-	660.000
	- Tạm ứng (Dư Có TK 141)		-	-
320	10 . Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	11,	93.130.484.053	88.075.540.900
	- Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn		93.130.484.053	88.075.540.900
	- Trái phiếu thường		-	-
322	12 . Quỹ khen thưởng, phúc lợi		427.013.214	453.113.214
	- Quỹ khen thưởng		510.116.015	530.116.015
	- Quỹ phúc lợi		(83.102.801)	(77.002.801)
	- Quỹ phúc lợi đã hình thành tài sản cố		-	-

		<i>định</i>		
		<i>Quỹ thưởng ban quản lý điều hành công ty</i>	-	-
330	II.	Nợ dài hạn	45.000.000	56.070.306
337	7.	Phải trả dài hạn khác	15	45.000.000
	-	<i>Tài sản thừa chờ xử lý</i>	-	-
	-	<i>Kinh phí công đoàn</i>	-	-
	-	<i>Bảo hiểm xã hội</i>	-	-
	-	<i>Bảo hiểm y tế</i>	-	-
	-	<i>Bảo hiểm thất nghiệp</i>	-	-
	-	<i>Phải trả về cổ phần hoá</i>	-	-
	-	<i>Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn</i>	45.000.000	56.070.306
	-	<i>Các khoản phải trả, phải nộp khác</i>	-	-
	-	<i>Phải thu khác (Dư Có TK 1388)</i>	-	-
	-	<i>Tạm ứng (Dư Có TK 141)</i>	-	-
	-	<i>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn</i>	-	-
	-	<i>Trái phiếu thường</i>	-	-
400	B.	VỐN CHỦ SỞ HỮU	336.938.397.415	251.364.385.621
410	I.	Vốn chủ sở hữu	16	336.938.397.415
411	1.	Vốn góp của chủ sở hữu		214.400.300.000
411				214.400.300.000
	a	<i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>	214.400.300.000	214.400.300.000
414	4.	Vốn khác của chủ sở hữu	59.961.562.250	59.961.562.250
418	8.	Quỹ đầu tư phát triển	24.180.159.395	24.180.159.395
	11			
420	.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	38.396.375.770	(47.177.636.024)
411		<i>LN chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ</i>		
	a	<i>trước</i>	(47.177.636.024)	254.224.013
411	b	<i>LN chưa phân phối kỳ này</i>	85.574.011.794	(47.431.860.037)
	12			
422	.	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	-	-
	-	<i>Nguồn kinh phí sự nghiệp năm trước</i>	-	-
	-	<i>Nguồn kinh phí sự nghiệp năm nay</i>	-	-
	-	<i>Chi sự nghiệp</i>	-	-
440		TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	477.722.723.743	368.392.606.163

Báo cáo kết quả kinh doanh năm 2016

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Từ 01/01/2016	Từ 01/01/2015
			đến 31/12/2016	đến 31/12/2015
			VND	

01	1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	18	687.772.385.127	727.683.039.359
02	2.	Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3.	Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		687.772.385.127	727.683.039.359
11	4.	Giá vốn hàng bán	19	619.913.125.199	730.531.234.248
20	5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		67.859.259.928	(2.848.194.889)
21	6.	Doanh thu hoạt động tài chính	20	800.717.599	595.926.207
22	7.	Chi phí tài chính	21	(36.410.191.980)	39.052.772.239
23		<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		8.979.924.204	5.606.001.463
25	8.	Chi phí bán hàng	24	2.285.958.746	2.252.287.312
26	9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	24	7.682.146.819	6.436.653.210
30	10.	Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh		95.102.063.942	(49.993.981.443)
31	11.	Thu nhập khác	22	943.566.226	3.204.306.904
32	12.	Chi phí khác	23	595.674.063	387.961.485
40	13.	Lợi nhuận khác		347.892.163	2.816.345.419
50	14.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		95.449.956.105	(47.177.636.024)
51	15.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		9.875.944.311	
52	16.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17.	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>85.574.011.794</u>	<u>(47.177.636.024)</u>

b5) Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Phúc Tiến Hưng Yên :

Bảng cân đối kế toán đến ngày 31/12/2016

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		259.080.095.649	198.999.336.681
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	3.471.609.929	7.017.750.544
111	1. Tiền		786.450.802	530.282.967

	-	Tiền mặt tại quỹ		9.367.000	804.000
	-	Tiền gửi ngân hàng		777.083.802	529.478.967
	-	Tiền đang chuyển		-	-
112	2.	Các khoản tương đương tiền		2.685.159.127	6.487.467.577
	-	Tiền gửi có kỳ hạn (< 3tháng)		2.685.159.127	6.487.467.577
	-	Các khoản đầu tư khác nắm giữ đến ngày đáo hạn		-	-
	-	Tiền gửi có kỳ hạn		-	-
	-	Trái phiếu		-	-
	-	Các khoản đầu tư khác nắm giữ đến ngày đáo hạn		-	-
130	III.	Các khoản phải thu ngắn hạn		35.358.259.536	42.882.978.576
131	1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng		25.268.737.940	37.010.106.157
132	2.	Trả trước cho người bán ngắn hạn		10.858.971.290	1.201.300.000
	-	Phải thu nội bộ (dư nợ TK 1368)		-	-
	-	Phải thu nội bộ (dư nợ TK 336)		-	-
134	4.	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng		-	-
135	5.	Phải thu về cho vay ngắn hạn		-	-
136	6.	Phải thu ngắn hạn khác	4	482.824.026	4.728.544.614
	-	Phải thu về cổ phần hoá (TK1385)		-	-
	-	Phải thu cán bộ công nhân viên (TK334 Dư nợ)		-	-
	-	Kinh phí công đoàn (dư nợ TK 3382)		-	-
	-	Bảo hiểm xã hội (dư nợ TK 3383)		-	-
	-	Bảo hiểm y tế (dư nợ TK 3384)		-	-
	-	Bảo hiểm thất nghiệp (dư nợ TK 3389)		-	-
	-	Tạm ứng (TK141)		9.000.212	10.000.212
	-	Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn(TK144)		-	-
	-	Phải thu khác (TK1388)		473.823.814	4.718.544.402
	-	Phải trả khác (dư nợ TK 3388)		-	-
137	7.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(1.252.273.720)	(56.972.195)
139	8.	Tài sản thiếu chờ xử lý		-	-
140	IV.	Hàng tồn kho	5	220.040.813.486	148.967.884.922
141	1.	Hàng tồn kho		224.155.250.133	170.318.197.429
	-	Hàng mua đang đi đường		853.087.051	-
	-	Nguyên liệu, vật liệu		120.523.014.239	94.242.109.932
	-	Công cụ, dụng cụ		4.640.000	1.360.000
	-	Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang		-	-
	-	Thành phẩm		1.829.383.019	2.860.470.236
	-	Hàng hoá		100.945.125.824	73.214.257.261
	-	Hàng gửi đi bán		-	-
	-	Hàng hoá kho bảo thuế		-	-
149	2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(4.114.436.647)	(21.350.312.507)

150	V.	Tài sản ngắn hạn khác		209.412.698	130.722.639
151	1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	8	187.616.545	121.281.565
152	2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		21.796.153	9.441.074
153	3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	11	-	-
	-	<i>Thuế GTGT</i>		-	-
	-	<i>Thuế Tiêu thụ đặc biệt</i>		-	-
	-	<i>Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu</i>		-	-
	-	<i>Thuế Thu nhập doanh nghiệp</i>		-	-
	-	<i>Thuế TNCN</i>		-	-
	-	<i>Thuế Tài nguyên</i>		-	-
	-	<i>Thuế Nhà đất, Tiền thuê đất</i>		-	-
	-	<i>Thuế bảo vệ môi trường và các loại thuế khác</i>		-	-
	-	<i>Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác</i>		-	-
155	5.	Tài sản ngắn hạn khác			
200	B.	TÀI SẢN DÀI HẠN		50.165.042.883	54.494.484.055
	-	<i>Phải thu về cổ phần hoá (TK1385)</i>		-	-
	-	<i>Phải thu cán bộ công nhân viên (TK334 Dư nợ)</i>		-	-
	-	<i>Kinh phí công đoàn (dư nợ TK 3382)</i>		-	-
	-	<i>Bảo hiểm xã hội (dư nợ TK 3383)</i>		-	-
	-	<i>Bảo hiểm y tế (dư nợ TK 3384)</i>		-	-
	-	<i>Bảo hiểm thất nghiệp (dư nợ TK 3389)</i>		-	-
	-	<i>Tạm ứng (TK141)</i>		-	-
	-	<i>Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn (TK244)</i>		-	-
	-	<i>Phải thu dài hạn khác (TK1388)</i>		-	-
	-	<i>Phải trả khác (dư nợ TK 3388)</i>		-	-
220	II.	Tài sản cố định		48.318.494.128	52.694.019.690
221	1.	Tài sản cố định hữu hình	7	48.318.494.128	52.694.019.690
222	-	Nguyên giá		83.764.282.463	83.619.347.078
223	-	Giá trị hao mòn lũy kế		(35.445.788.335)	(30.925.327.388)
240	IV.	Tài sản dở dang dài hạn	6	9.230.226	96.961.895
		Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn			
241	1.	hạn		-	-
242	2.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		9.230.226	96.961.895
260	V.	Tài sản dài hạn khác		1.837.318.529	1.703.502.470
261	1.	Chi phí trả trước dài hạn	8	1.837.318.529	1.703.502.470
262	2.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		-	-
263	3.	Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn		-	-
	-	<i>Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn</i>		-	-
	-	<i>Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (vật tư thay thế)</i>		-	-
268	4.	Tài sản dài hạn khác		-	-

270 Mã số	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		309.245.138.532	
	NGUỒN VỐN		Thuyết minh	253.493.820.736
			31/12/2016	01/01/2016
			VND	VND
300	A.	NỢ PHẢI TRẢ	206.561.443.169	201.929.765.078
310	I.	Nợ ngắn hạn	206.507.843.169	201.854.765.078
311	1.	Phải trả người bán ngắn hạn	116.449.671.096	118.531.000.584
312	2.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	501.698.949	426.617.445
313	3.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	3.876.141.065	3.133.449
	-	Thuế GTGT	-	-
	-	Thuế Tiêu thụ đặc biệt	-	-
	-	Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	-	-
	-	Thuế Thu nhập doanh nghiệp	3.873.028.980	-
	-	Thuế TNCN	3.112.085	3.133.449
	-	Thuế Tài nguyên	-	-
	-	Thuế Nhà đất, Tiền thuê đất	-	-
	-	Các loại thuế khác	-	-
	-	Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-
314	4.	Phải trả người lao động	530.253.219	371.275.539
315	5.	Chi phí phải trả ngắn hạn	233.119.783	205.085.485
316	6.	Phải trả nội bộ ngắn hạn	-	-
	-	Phải trả nội bộ (dư có TK 1368)	-	-
	-	Phải trả nội bộ (dư có TK 336)	-	-
317	7.	Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	-	-
318	8.	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	72.000.000	108.000.000
319	9.	Phải trả ngắn hạn khác	36.171.951.230	36.773.321.026
	-	Tài sản thừa chờ xử lý	-	-
	-	Kinh phí công đoàn	6.300.104	6.769.347
	-	Bảo hiểm xã hội	-	7.463.137
	-	Bảo hiểm y tế	-	-
	-	Bảo hiểm thất nghiệp	-	-
	-	Phải trả về cổ phần hoá	-	-
	-	Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	-
	-	Các khoản phải trả, phải nộp khác	36.165.651.126	36.759.088.542
	-	Phải thu khác (Dư Có TK 1388)	-	-
	-	Tạm ứng (Dư Có TK 141)	-	-
320	10.	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	48.004.043.903	44.747.767.626
	-	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	48.004.043.903	44.747.767.626
	-	Trái phiếu thương	-	-

321	11.	Dự phòng phải trả ngắn hạn		-	-
322	12.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi		668.963.924	688.563.924
	-	<i>Quỹ khen thưởng</i>		654.563.924	674.163.924
	-	<i>Quỹ phúc lợi</i>		14.400.000	14.400.000
	-	<i>Quỹ phúc lợi đã hình thành tài sản cố định</i>		-	-
	-	<i>Quỹ thưởng ban quản lý điều hành công ty</i>		-	-
330	II.	Nợ dài hạn		53.600.000	75.000.000
336	6.	Doanh thu chưa thực hiện dài hạn		-	-
337	7.	Phải trả dài hạn khác	13	53.600.000	75.000.000
	-	<i>Tài sản thừa chờ xử lý</i>		-	-
	-	<i>Kinh phí công đoàn</i>		-	-
	-	<i>Bảo hiểm xã hội</i>		-	-
	-	<i>Bảo hiểm y tế</i>		-	-
	-	<i>Bảo hiểm thất nghiệp</i>		-	-
	-	<i>Phải trả về cổ phần hoá</i>		-	-
	-	<i>Nhận ký quỹ, ký cược</i>		53.600.000	75.000.000
	-	<i>Các khoản phải trả, phải nộp khác</i>		-	-
	-	<i>Phải thu khác (Dư Có TK 1388)</i>		-	-
	-	<i>Tạm ứng (Dư Có TK 141)</i>		-	-
	-	<i>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn</i>		-	-
	-	<i>Trái phiếu thường</i>		-	-
400	B.	VỐN CHỦ SỞ HỮU		102.683.695.363	51.564.055.658
410	I.	Vốn chủ sở hữu	14	102.683.695.363	51.564.055.658
411	1.	Vốn góp của chủ sở hữu		80.000.000.000	80.000.000.000
411a	-	<i>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</i>		80.000.000.000	80.000.000.000
411b	-	<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>		-	-
418	8.	Quỹ đầu tư phát triển		7.407.349.041	7.407.349.041
419	9.	Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp		-	-
419	10.	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		-	-
420	11.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		15.276.346.322	(35.843.293.383)
		<i>LN chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước</i>		(35.843.293.383)	1.018.739.797
411a	-	<i>LN chưa phân phối kỳ này</i>		51.119.639.705	(36.862.033.180)
422	12.	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản		-	-
	-	<i>Nguồn kinh phí sự nghiệp năm trước</i>		-	-
	-	<i>Nguồn kinh phí sự nghiệp năm nay</i>		-	-
	-	<i>Chi sự nghiệp</i>		-	-
440		TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		309.245.138.532	253.493.820.736

Báo cáo kết quả kinh doanh năm 2016

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Từ 01/01/2016	Từ 01/01/2015
			đến 31/12/2016	đến 31/12/2015
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	16	629.488.121.626	670.999.979.073
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		629.488.121.626	670.999.979.073
11	4. Giá vốn hàng bán	17	560.235.713.058	696.170.253.475
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		69.252.408.568	(25.170.274.402)
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	18	187.835.747	308.918.595
22	7. Chi phí tài chính	19	7.224.034.468	8.405.950.767
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		6.977.656.305	2.844.065.410
25	8. Chi phí bán hàng	22	1.748.442.205	284.740.491
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	22	5.340.899.091	4.070.007.152
30	10. Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh		55.126.868.551	(37.622.054.217)
31	11. Thu nhập khác	20	152.784.614	1.698.375.619
32	12. Chi phí khác	21	286.984.480	938.354.582
40	13. Lợi nhuận khác		(134.199.866)	760.021.037
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		54.992.668.685	(36.862.033.180)
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		3.873.028.980	-
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		51.119.639.705	(36.862.033.180)

b6) Công ty TNHH Phúc Tiến Hải Phòng :

Bảng cân đối kế toán đến ngày 31/12/2016

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
			VND	VND

100	A.	TÀI SẢN NGẮN HẠN		51.509.608.693	38.179.393.235
110	I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	3	510.811.734	488.454.810
111	1.	Tiền		510.811.734	488.454.810
112	2.	Các khoản tương đương tiền		-	-
120	II.	Đầu tư tài chính ngắn hạn		-	-
121	1.	Chứng khoán kinh doanh		-	-
122	2.	Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		-	-
123	3.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		-	-
130	III.	Các khoản phải thu ngắn hạn		19.046.952.126	30.159.969.302
131	1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	4	1.923.415.343	10.872.609.119
132	2.	Trả trước cho người bán ngắn hạn		6.548.750.000	6.557.425.026
133	3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn		-	-
134	4.	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng		-	-
135	5.	Phải thu về cho vay ngắn hạn		-	-
136	6.	Phải thu ngắn hạn khác	5	10.761.205.000	12.729.935.157
137	7.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(186.418.217)	-
139	8.	Tài sản thiếu chờ xử lý		-	-
140	IV.	Hàng tồn kho	6	31.482.797.176	6.883.312.137
141	1.	Hàng tồn kho		31.482.797.176	7.122.259.207
149	2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		-	(238.947.070)
150	V.	Tài sản ngắn hạn khác		469.047.657	647.656.986
151	1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	9	118.138.566	63.869.306
152	2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		350.909.091	583.787.680
200	B.	TÀI SẢN DÀI HẠN		51.739.726.241	49.758.648.225
220	II.	Tài sản cố định		40.626.437.916	39.073.112.226
221	1.	Tài sản cố định hữu hình	8	40.626.437.916	39.073.112.226
222	-	Nguyên giá		53.060.462.661	48.557.462.661
223	-	Giá trị hao mòn lũy kế		(12.434.024.745)	(9.484.350.435)
240	IV.	Tài sản dở dang dài hạn	7	613.288.325	185.535.999
241	1.	Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn		-	-
242	2.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		613.288.325	185.535.999
260	V.	Tài sản dài hạn khác		10.500.000.000	10.500.000.000
261	1.	Chi phí trả trước dài hạn	9	10.500.000.000	10.500.000.000
270		TỔNG CỘNG TÀI SẢN		103.249.334.934	87.938.041.460
Mã số		NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016

		<u>VND</u>	<u>VND</u>
300	A. NỢ PHẢI TRẢ	63.518.218.821	73.748.724.063
310	I. Nợ ngắn hạn	63.461.018.821	73.699.224.063
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	10 55.364.131.115	65.843.004.157
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	-	-
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	- 891.122.376	700.407
314	4. Phải trả người lao động	550.855.144	358.991.665
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	204.002	-
319	9. Phải trả ngắn hạn khác	13 6.654.706.184	7.496.527.834
320	10 . Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	-	-
321	11 . Dự phòng phải trả ngắn hạn	-	-
322	12 . Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-
323	13 . Quỹ bình ổn giá	-	-
324	14 . Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	-	-
330	II. Nợ dài hạn	57.200.000	49.500.000
337	7. Phải trả dài hạn khác	13 57.200.000	49.500.000
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	39.731.116.113	14.189.317.397
410	I. Vốn chủ sở hữu	15 39.731.116.113	14.189.317.397
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu	37.500.000.000	37.500.000.000
411	a - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	37.500.000.000	37.500.000.000
420	11 . Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	2.231.116.113	(23.310.682.603)
411	a - LN chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	(23.310.682.603)	(23.310.682.603)
411	b - LN chưa phân phối kỳ này	25.541.798.716	-
422	12 . Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	-	-
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	<u>103.249.334.934</u>	<u>87.938.041.460</u>

Báo cáo kết quả kinh doanh năm 2016

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Từ 01/01/2016 đến 31/12/2016	Từ 01/01/2015 đến 31/12/2015
			VND	VND

01	1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	17	343.548.632.597	339.113.922.920
02	2.	Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3.	Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		343.548.632.597	339.113.922.920
11	4.	Giá vốn hàng bán	18	313.327.777.452	342.110.912.590
20	5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		30.220.855.145	(2.996.989.670)
21	6.	Doanh thu hoạt động tài chính	19	2.188.379	6.222.915
22	7.	Chi phí tài chính	20	31.257.099	36.314.597
23		<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		31.257.099	36.314.597
25	8.	Chi phí bán hàng	23	626.742.059	470.919.519
26	9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	23	2.987.437.523	2.912.421.269
30	10.	Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh		26.577.606.843	(6.410.422.140)
31	11.	Thu nhập khác	21	279.137	1.121.620
32	12.	Chi phí khác	22	296.433.896	306.802.767
40	13.	Lợi nhuận khác		(296.154.759)	(305.681.147)
50	14.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		26.281.452.084	(6.716.103.287)
51	15.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		739.653.368	-
52	16.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17.	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>25.541.798.716</u>	<u>(6.716.103.287)</u>
70	18.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu		-	-
71	19.	Lãi suy giảm trên cổ phiếu		-	-

4. Tình hình tài chính/ Financial situation

a) Tình hình tài chính/ Financial situation

Chỉ tiêu/ <i>Financial Figure</i>	Năm/Year 2015	Năm/Year 2016	% tăng giảm/ % change
Tổng giá trị tài sản/ <i>Total asset</i>	1.811.857.590.470	2.388.918.421.643	
Doanh thu thuần/ <i>Net revenue</i>	3.590.268.202.652	4.042.428.628.890	
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ <i>Profit</i>	- 176.919.897.404	544.544.068.524	

<i>from operating activities</i>			
Lợi nhuận khác/ <i>Other profits</i>	5.868.699.302	2.714.863.778	
Lợi nhuận trước thuế/ <i>Profit before tax</i>	-171.051.198.102	547.258.932.302	
Lợi nhuận sau thuế/ <i>Profit after tax</i>	-173.059.424.921	469.133.091.610	
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức/ <i>Payout ratio</i>	-2.018 đ/cp	5.490 đ/cp	

- Các chỉ tiêu khác/ *other figures*: (tùy theo đặc điểm riêng của ngành, của công ty để làm rõ kết quả hoạt động kinh doanh trong hai năm gần nhất/*depending on the specific characteristics of the industry and of the Company to clarify the company's operating results for the last two years*).

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu/*Major financial benchmarks*:

Chỉ tiêu/ <i>Benchmarks</i>	ĐVT	Năm/Year 2016	Năm/Year 2015
1	2	3	4
1. Bố trí cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn			
1.1 Bố trí cơ cấu tài sản			
- Tài sản dài hạn/ Tổng tài sản	%	25,98%	27,84%
- Tài sản ngắn hạn/ Tổng tài sản	%	74,02%	55,94%
1.2. Bố trí cơ cấu nguồn vốn			
- Nợ phải trả/ Tổng nguồn vốn	%	45,28%	44,92%
- Nguồn vốn chủ sở hữu/ Tổng nguồn vốn	%	54,72%	38,86%
2. Khả năng thanh toán			
- Khả năng thanh toán hiện hành (Tài sản ngắn hạn / Nợ ngắn hạn)	Lần	1,63	1,25
- Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn (Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho / Nợ ngắn hạn)	Lần	0,35	0,46
- Khả năng thanh toán nhanh (Tiền và các khoản tương đương tiền + Đầu tư tài chính ngắn hạn+ Các khoản phải thu ngắn hạn)/Nợ ngắn hạn.)	Lần	0,34	1,36
- Khả năng thanh toán nợ dài hạn (Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho/Nợ dài hạn)	Lần	2.425,98	579,19
3 Tỷ suất lợi nhuận			
3.1 - Tỷ suất lợi nhuận/ Doanh thu			
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/ Doanh thu thuần	%	13,55%	-4,76%
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	%	11,30%	-4,72%
3.2 - Tỷ suất lợi nhuận/ Tổng tài sản			
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/ Tổng tài sản	%	22,87%	-7,91%

- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản (ROA)	%	19,09%	-7,83%
3.3 Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ Nguồn vốn chủ sở hữu (ROE)	%	34,88%	-20,15%

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc/ Report and assessment of the Board of Management (Ban Giám đốc báo cáo và đánh giá về tình hình mọi mặt của công ty/the Board of Management reports and assesses on the situation in all aspects of the Company)

Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc tối thiểu phải bao gồm các nội dung sau/*The Board of Management's reports and assessments shall include at least the following contents:*

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh/ Assessment of operating results

- Phân tích tổng quan về hoạt động của công ty so với kế hoạch/dự tính và các kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trước đây. Trường hợp kết quả sản xuất kinh doanh không đạt kế hoạch thì nêu rõ nguyên nhân và trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với việc không hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh (nếu có)/ *General analysis of company's operations against the targets and previous operating results. In case the operating results do not meet targets, clearly state the reasons and responsibilities of the Board of Directors for such results (if any).*

- Những tiến bộ công ty đã đạt được/*The Company's achievements.*

Trong năm 2016, Hội đồng quản trị đã thực hiện giám sát công tác quản lý, điều hành của Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý của công ty thông qua cuộc họp định kỳ hàng tháng, quý. Ban Tổng giám đốc định kỳ báo cáo Hội đồng quản trị hoạt động sản xuất kinh doanh, kết quả thực hiện các Nghị quyết của Hội đồng quản trị, các khó khăn và thuận lợi trong điều hành. Từ đó Hội đồng quản trị phối hợp với Ban tổng giám đốc để đề ra các giải pháp tháo gỡ, khắc phục khó khăn trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

Nhìn chung công tác giám sát đối với Tổng giám đốc được thực hiện thường xuyên và chặt chẽ, đảm bảo hoạt động của công ty diễn ra ổn định, an toàn, tuân thủ theo quy định của pháp luật, bám sát mục tiêu, kế hoạch do Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông đã đề ra.

Ba thành viên HĐQT cũng là thành viên Ban Tổng giám đốc có bà Phạm Thị Hồng kiêm Tổng giám đốc và ông Nguyễn Văn Quang kiêm Phó Tổng Giám đốc, ông Dương Quang Bình kiêm Phó Tổng Giám đốc nên việc báo cáo, cung cấp thông tin về hoạt động của Ban tổng giám đốc cho HĐQT được thuận lợi.

Các thành viên HĐQT thường xuyên trao đổi thông tin, tham vấn về các vấn đề quan trọng trong việc điều hành hoạt động của công ty bằng những phương tiện viễn thông như (Điện thoại, Fax, Email, Chat, ...) ngoài những cuộc họp định kỳ cũng như bất thường. Việc giám sát của HĐQT đối với Ban tổng giám đốc cũng được thực hiện qua báo cáo hoạt động của Ban tổng giám đốc gửi các thành viên hội đồng quản trị hàng tháng.

Trong năm 2016 HĐQT cũng đã thực hiện giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty trong các lĩnh vực tài chính, kế toán; kinh doanh; sản xuất và đầu tư. Kết quả giám sát đã được gửi cho các thành viên HĐQT trong báo cáo tháng.

Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2016, Tập đoàn Thép Tiến Lên và các Đơn vị thành viên đã nỗ lực thực hiện các chỉ tiêu kinh doanh và triển khai những giải pháp đề ra, kiên trì khắc phục khó khăn, duy trì vị thế trong kinh doanh và hiệu suất sử dụng tài sản, đời sống cán bộ công nhân viên ổn định, giữ được uy tín với khách hàng, đảm bảo an toàn vốn đem lại lợi nhuận trong kinh

doanh và hiệu quả trong hoạt động đầu tư cho các cổ đông và các nhà đầu tư. Những kết quả này khẳng định tính đúng đắn kịp thời, phù hợp, hiệu quả của các giải pháp đã được hội đồng quản trị và ban điều hành đặt ra, đồng thời thể hiện cố gắng quyết tâm cao của cán bộ lãnh đạo và toàn thể nhân viên trong Công ty vững tin đưa doanh nghiệp vượt qua khó khăn và vững bước tiến lên.

2. Tình hình tài chính/ Financial Situation

a) Tình hình tài sản/ Assets

Phân tích tình hình tài sản, biến động tình hình tài sản (phân tích, đánh giá hiệu quả sử dụng tài sản, nợ phải thu xấu, tài sản xấu ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh)/ *Analysis of the asset, changes in assets (analysis, assessment of the efficiency of assets usage, bad liabilities, bad assets that affect business results).*

ĐVT : Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	% (Tăng/Giảm)
Tài sản ngắn hạn	1.210	1.772	46,0 %
Tiền và các khoản tương đương	99	85	-14 %
Đầu tư tài chính ngắn hạn	17	11	-29 %
Các khoản phải thu	314	272	-13 %
Hàng tồn kho	765	1.394	82 %
<i>Dự phòng giảm giá hàng tồn kho</i>	<i>-95</i>	<i>-21</i>	
Tài sản ngắn hạn khác	15	10	-33 %
Tài sản dài hạn	602	622	3,3 %
Tài sản cố định	340	328	- 4 %
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	85	90	6 %
Đầu tư vào công ty liên kết	164	193	18 %
Tài sản dài hạn khác	13	13	0 %
Tổng tài sản của công ty	1.812	2.394	32,12 %

Tổng tài sản của TLH tại thời điểm kết thúc năm 2016 đạt 2.394 tỷ đồng, tăng mạnh với mức tăng 32,12% so với đầu năm (tương ứng tăng hơn 582 tỷ đồng). Tổng tài sản tăng chủ yếu tác động bởi hàng tồn kho tăng, mức dự trữ hàng tồn kho cuối năm 2016 tăng 82% so với đầu năm, cụ thể tổng lượng hàng tồn kho cuối năm 2016 của toàn Tập đoàn là 1.394 tỷ đồng (tương đương 125 ngày doanh thu).

b) Tình hình nợ phải trả/ *Liabilities*

- Tình hình nợ hiện tại, biến động lớn về các khoản nợ/ *Current debts, major changes of debts.*

DVT : Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	% (Tăng/Giảm)
Nợ phải trả	971,39	1.083,99	11,59 %
Nợ vay ngắn hạn	970,62	1.083,83	11,59 %
Nợ vay dài hạn	0,77	0,16	-79,22%
Vốn chủ sở hữu	840,47	1.309,84	55,84 %
Vốn góp của sở hữu	846,46	846,46	0 %
Lợi nhuận chưa phân phối và các quỹ	-5,99	463,38	78,36 %
Tổng nguồn vốn	1.811,86	2.393,83	32,12 %

Tổng nguồn vốn của Thép Tiến Lên cuối năm 2016 là 2.394 tỷ đồng mức tăng tương ứng với mức tăng của Tổng tài sản so với đầu năm là 32,12 %,

- Nợ ngắn hạn tăng 114 tỷ để tài trợ cho hàng tồn kho tăng thêm trong cơ cấu vốn lưu động với chi phí sử dụng vốn trung bình 6,5 %/năm.

Trong tương quan cơ cấu vốn và việc sử dụng vốn, duy trì một cơ cấu vốn an toàn và chủ động trong tài chính với hệ số **nợ/ vốn chủ** ở mức **0,82 lần** (chỉ số này của các công ty cùng ngành đang niêm yết đang duy trì tỷ số nợ ở mức **2,33 đến 4,18 lần**).

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty (đối với công ty cổ phần)/Assessments of the Board of Management on the Company's operation (for joint stock companies)

1. *Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội/ Assessments of the Board of Management on the Company's operation, including the assessment related to environmental and social responsibilities.*

2. *Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc công ty/Assessment of Board of Directors on Board of Management' performance*

Trong Hội đồng quản trị có 03 thành viên HĐQT cũng là thành viên Ban Tổng giám đốc (Bà Phạm Thị Hồng – thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc; Ông Nguyễn Văn Quang - Thành viên hội đồng quản trị kiêm Phó tổng giám đốc - Ông Dương Quang Bình - Thành viên hội đồng quản trị kiêm Phó tổng giám đốc) nên việc báo cáo, cung cấp thông tin về hoạt động của Ban Tổng giám đốc cho HĐQT được thuận lợi. Các thành viên HĐQT thường xuyên trao đổi thông tin, tham vấn về các vấn đề quan trọng trong việc điều hành hoạt động của công ty bằng những phương tiện viễn thông như (Điện

thoại, Fax, Email, Chat, ...) ngoài những cuộc họp định kỳ cũng như bất thường. Việc giám sát của HĐQT đối với Ban Tổng giám đốc cũng được thực hiện qua báo cáo hoạt động của Ban tổng giám đốc gửi các thành viên hội đồng quản trị hàng tháng.

Trong năm 2016, Hội đồng quản trị đã thực hiện giám sát công tác quản lý, điều hành (lĩnh vực tài chính, kế toán; kinh doanh; sản xuất và đầu tư.) của Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý của công ty thông qua cuộc họp định kỳ hàng tháng, quý ; Kết quả giám sát đã được gửi cho các thành viên HĐQT trong báo cáo tháng.. Ban Tổng giám đốc định kỳ báo cáo Hội đồng quản trị hoạt động sản xuất kinh doanh, kết quả thực hiện các Nghị quyết của Hội đồng quản trị, các khó khăn và thuận lợi trong điều hành. Từ đó Hội đồng quản trị phối hợp với Ban tổng giám đốc để đề ra các giải pháp tháo gỡ, khắc phục khó khăn trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

Nhìn chung công tác giám sát đối với Ban Tổng giám đốc được thực hiện thường xuyên và chặt chẽ, đảm bảo hoạt động của công ty diễn ra ổn định, an toàn, tuân thủ theo quy định của pháp luật, bám sát mục tiêu, kế hoạch do Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông đã đề ra.

HĐQT dự họp các cuộc họp của Ban tổng giám đốc về hoạt động sản xuất kinh doanh và giao ban công việc hàng quý, hàng tháng;

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị/ Plans, orientations of the Board of Directors

Dự báo môi trường kinh doanh năm 2017.

Năm 2017, Quốc hội đã thông qua chỉ tiêu GDP phải tăng khoảng 6,7%, tốc độ tăng giá tiêu dùng bình quân khoảng 4%; Tổng kim ngạch xuất khẩu tăng khoảng 6 - 7%.

Những yếu tố thuận lợi :

Về tổng thể, năm 2017, bức tranh kinh tế Việt Nam sẽ tiếp tục các động lực tăng trưởng đã tích lũy từ năm trước và có thể nhận thêm nhiều xung lực mới và cơ hội mới, với nhiều kỳ vọng sẽ ngày càng khởi sắc hơn cùng với năng lực đổi mới công nghệ

Việt Nam sẽ vẫn tiếp tục thuộc nhóm có tốc độ tăng GDP cao hàng đầu khu vực và gấp đôi mức tăng trưởng chung toàn thế giới. Động lực tăng trưởng chung của nền kinh tế được hội tụ và lan tỏa từ đà tăng trưởng tốt của công nghiệp chế biến, chế tạo và dịch vụ.

Các cân đối vĩ mô sẽ vẫn được bảo đảm. Dự trữ ngoại tệ được bảo tồn. Lòng tin của nhà đầu tư trong và ngoài nước tiếp tục được phục hồi và củng cố, nhờ tiếp tục các cải cách thể chế, cải thiện môi trường đầu tư, tạo xung lực mới cho khu vực tư nhân trở thành động lực chính của năm 2017 và thời gian tới, cũng như nhờ giá năng lượng và nông sản thế giới dự báo phục hồi cùng với sự gia tăng tổng cầu tiêu dùng; tổng nguồn vốn cung ứng cho nền kinh tế.

Sự hồi phục của nền kinh tế Việt Nam trong năm 2016 là cơ sở quan trọng để đặt ra mục tiêu tăng trưởng trong năm 2017.

Những ngành nghề dự báo sẽ tăng trưởng mạnh từ năm 2017 là bất động sản, vật liệu và dịch vụ xây dựng, dịch vụ tiêu dùng, hàng tiêu dùng, nông - lâm sản.

Cùng với đó, thông điệp của Việt Nam về cam kết xây dựng “Chính phủ hành động và kiến tạo phát triển” ; “Lãnh đạo chủ động và có trách nhiệm”, qua đó đề cao vai trò của Chính phủ Việt Nam trong công cuộc đổi mới toàn diện đất nước nhằm củng cố lòng tin của cộng đồng doanh nghiệp quốc tế đưa kinh tế và xã hội phát triển.

Với ngành thép năm 2017,

Năm 2017 dự báo ngành thép Việt Nam tiếp tục tăng trưởng 12 % so với năm 2016.

Giá thép được dự báo tăng trong năm 2017 bởi chi phí sản xuất của toàn thị trường tăng lên do giá nguyên liệu ở mức cao.

Quyết định áp thuế tự vệ đối với một số mặt hàng thép của Bộ Công thương tạo ra cơ hội cạnh tranh lành mạnh giữa thép sản xuất trong nước và thép nhập khẩu chủ yếu từ Trung Quốc, kích thích sản xuất phát triển, đổi mới dây chuyền công nghệ khi sắp tới dỡ bỏ hàng rào thuế quan.

Thị trường thép công nghiệp (Ngành chủ lực của công ty) vẫn sẽ sôi động do mặt bằng lãi suất thấp các doanh nghiệp mở rộng đầu tư, đầu tư công tiếp tục để thúc đẩy nền kinh tế.

2. Các giải pháp thực hiện:

Trong năm 2017, trên cơ sở định hướng phát triển giai đoạn 2015 – 2019, Thép Tiến Lên sẽ tiếp tục cải tiến và theo đuổi các giải pháp đã triển khai trong năm 2016 bao gồm:

Một là : Tập trung cải tiến năng lực quản lý.

Xây dựng phương thức hoạt động theo thể chế kinh tế thị trường hiện đại dựa trên ba trụ cột (Khách hàng, Người lao động và Cổ đông), coi đây là tiền đề quyết định để Công ty phát triển.

Cải cách và đổi mới các chính sách hoạt động cho từng bộ phận, từng lĩnh vực. Tiếp tục bổ sung thêm nhân sự đối với các vị trí còn thiếu, bổ sung thêm đội ngũ chuyên viên đầu ngành để phát triển công ty, tăng cường năng lực kiểm soát, kiểm tra nội bộ, tổ chức việc kiểm tra, giám sát việc thực thi công việc theo sự phân công.

Thực hiện phân quyền, giao vốn cho các Đơn vị thành viên để chủ động trong hoạt động kinh doanh.

Hai là : Chuyển đổi mô hình tăng trưởng

Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ, đặc biệt là công nghệ thông tin (CNTT) trong sản xuất và quản lý, coi CNTT là một nền tảng của phương thức phát triển mới. Nâng mức đóng góp của các nhân tố tổng năng suất: khoa học công nghệ, chất lượng nguồn nhân lực và kỹ năng quản lý hiện đại vào tăng trưởng. Đây chính là giải pháp cơ bản để nâng cao hiệu suất sử dụng vốn.

Tập trung phát triển mảng thương mại điện tử để tận dụng yếu tố công nghệ.

Đa dạng hóa các nhà cung cấp để chủ động hàng hóa đầu vào trong đó có việc xúc tiến và triển khai ký kết các hợp đồng đại lý cấp 1 với các nhà sản xuất trong nước như Posco SS, Formosa, Hòa Phát để khai thác hệ thống kho và năng lực bán hàng hiện tại.

Ba là : Đầu tư và phát triển hệ thống:

Đẩy mạnh công tác đầu tư trọng điểm vào hoạt động kinh doanh chủ lực của công ty, bao gồm:

- Đầu tư, mở rộng Chi nhánh Long Thành thành một Trung tâm kinh doanh vật liệu xây dựng trọng điểm, để cung ứng hàng hóa cho khu vực phía Đông và các khu công nghiệp trong khu vực, quyết tâm đưa công trình vào khai thác trong quý I năm 2017 để đóng góp doanh thu và lợi nhuận cho công ty.

- Hoàn thành và đưa chi nhánh Đà Nẵng vào hoạt động để khai thác khu vực thị trường miền Trung, đây là khu vực kinh tế trọng điểm.

- Cơ cấu lại việc tổ chức và khai thác tài sản, đặc biệt là văn phòng, chúng ta có thể bán bớt một văn phòng tại Hà Nội để tập trung vốn cho sản xuất kinh doanh.

- Mở rộng quan hệ hợp tác, nghiên cứu chọn đối tác liên kết phát triển các sản phẩm thép chất lượng cao, thép sau gia công để đầu tư sản xuất chuyên sâu cho nhu cầu tương lai.

- Chuyên hoạt động sản xuất của Công ty TNHH Thép Tây Nguyên về Long Thành, dùng nhà xưởng lô 12 – 14 trong khu công nghiệp để chứa hàng phục vụ hoạt động thương mại.

- Xây dựng thương hiệu và hình ảnh công ty, giữ vững danh hiệu thương hiệu cạnh tranh năm 2017 và xây dựng bộ nhận dạng thương hiệu năm 2017.

Gia tăng dịch vụ sau bán, đặc biệt là phát triển năng lực vận tải đảm bảo việc giao hàng kịp thời và hạn chế thuê ngoài.

Thay đổi tư duy, xây dựng quy trình để chủ động hội nhập quốc tế, xây dựng chương trình hành động nhằm tận dụng các cơ hội, vượt qua những thách thức khi nước ta tham gia các Hiệp định Mậu dịch tự do mới, FTA Việt Nam – EU, phù hợp với các chính sách thuế của Nhà nước.

Bốn là : Tăng cường, củng cố và ổn định năng lực tài chính.

Song song với việc kiện toàn và hoàn thiện bộ máy hoạt động, ổn định nền Sản xuất kinh doanh, Công ty sẽ chủ trương tiếp tục tăng vốn để mở rộng quy mô hoạt động và tiếp tục thực hiện các kế hoạch đầu tư cho các hạng mục chiến lược do Đại hội đồng cổ đông thống nhất.

Củng cố lại các quy chế tài chính đã áp dụng trong năm 2016, triển khai thêm một số biện pháp hữu hiệu để đối phó với những diễn biến phức tạp trong giai đoạn mới, như các vấn đề về biến động tỷ giá, thiên tai và các thay đổi về chính sách. Đề ra các giải pháp cân đối các chỉ tiêu phục vụ cho mục đích sản xuất kinh doanh, phù hợp với đặc thù của thời kỳ mới. Phối hợp hiệu quả với các cơ quan kiểm toán để đảm bảo thời gian báo cáo minh bạch, chính xác các hoạt động trước Đại hội đồng cổ đông và nhà đầu tư.

Với vị trí quan trọng đó, trong năm 2017, Hội đồng quản trị định hướng tiếp tục duy trì tăng trưởng bền vững, tạo sự chuyển biến mạnh mẽ trong công tác điều hành, đẩy mạnh việc tăng trưởng doanh thu và hiệu quả, nâng cao tính chuyên nghiệp và hợp tác nội bộ, khẳng định thương hiệu, chất lượng dịch vụ và hàng hóa của Công ty cung cấp.

Tập trung điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh hiệu quả tiết kiệm chi phí, giảm giá thành sản xuất, nâng cao uy tín các mặt hàng truyền thống, đảm bảo sức lan tỏa các sản phẩm đến tận từng khách hàng.

Với vai trò là công ty mẹ, Công ty CP Tập đoàn Thép Tiến Lên đóng vai trò điều phối hạt nhân của hệ thống Tập đoàn, kết nối các thành viên trong Tập đoàn nhằm tăng cường nguồn lực về tài chính và quản trị cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tốt nhất cho khách hàng.

Áp lực cạnh tranh trong ngành thép ngày càng tăng cao, nhưng với công nghệ, khả năng quản trị, vận hành, cùng chuỗi giá trị đã xây dựng, Thép Tiến Lên tự tin sẽ cạnh tranh tốt, đáp ứng được nhu cầu của khách hàng và đem lại giá trị cho các cổ đông.

V. Quản trị công ty/*Corporate governance* (Tổ chức không phải là tổ chức niêm yết không bắt buộc phải công bố các thông tin tại Mục này)/*Non-listed organizations are not obliged to disclose the information in this Section*).

1. Hội đồng quản trị/ Board of Directors

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị/*Members and structure of the Board of Directors*: (danh sách thành viên Hội đồng quản trị, tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành, nêu rõ thành viên độc lập và các thành viên khác; số lượng chức danh thành viên hội đồng quản trị do từng thành viên Hội đồng quản trị của công ty nắm giữ tại các công ty khác/ *(list of members of the Board of Management, percentages of ownership in voting shares and other securities issued by the company, clearly Specify independent and other members; number of positions that a member the Board of Management held in other companies)*).

1. Hoạt động của Hội đồng quản trị.

Trong năm Hội đồng quản trị đã tổ chức 25 (hai lăm) phiên họp và thường xuyên gặp gỡ trao đổi, thảo luận tập trung giải quyết các vấn đề trọng tâm liên quan đến việc xây dựng chiến lược phát triển và kế hoạch kinh doanh giai đoạn 05 năm 2015 – 2019. Chỉ đạo sát sao việc thực hiện kế hoạch kinh doanh và thực hiện các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016.

Chi tiết nội dung các nghị quyết được đăng tải trên trang công bố thông tin của Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh và trên Webside của công ty và trong các báo cáo Quản trị năm 2016 mà công ty đã công bố.

Thực hiện công tác nhân sự và phân công nhiệm vụ đối với các thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2015 – 2019; kiện toàn nhân sự, giám sát chặt chẽ hoạt động của ban điều hành trong công việc thực thi các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị; Ban hành các quy chế quản trị, quy định nội bộ, các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị dựa trên sự nhất trí, đồng lòng của các thành viên hội đồng quản trị. Trên cơ sở lợi ích của cổ đông và vì sự phát triển bền vững của Công ty.

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị/*The committees of the Board of Director*: (Liệt kê các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị và thành viên trong từng tiểu ban/*Listing the committees of the Board of Directors and members of each committee*).

Hội đồng quản trị không thành lập các tiểu ban. Hoạt động của HĐQT được phân công cụ thể cho các thành viên chuyên trách phụ trách theo từng lĩnh vực để thẩm tra các nội dung theo thẩm quyền của HĐQT để Hội đồng quản trị ra quyết định, đồng thời giám sát, chỉ đạo, đôn đốc việc thực hiện các Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị theo lĩnh vực được phân công.

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị/*Activities of the Board of Directors*: đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp Hội đồng quản trị, nội dung và kết quả của các cuộc họp/*Assessment on the Board of Directors, specifying the number of meetings, contents and results of Board of Directors meetings*.

Trong Hội đồng quản trị có 03 thành viên HĐQT cũng là thành viên Ban Tổng giám đốc (Bà Phạm Thị Hồng – thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc; Ông Nguyễn Văn Quang - Thành viên hội đồng quản trị kiêm Phó tổng giám đốc - Ông Dương Quang Bình - Thành viên hội đồng quản trị kiêm Phó tổng giám đốc) nên việc báo cáo, cung cấp thông tin về hoạt động của Ban Tổng giám đốc cho HĐQT được thuận lợi. Các thành viên HĐQT thường xuyên trao đổi thông tin, tham vấn về các vấn đề quan trọng trong việc điều hành hoạt động của công ty bằng những phương tiện viễn thông như (Điện thoại, Fax, Email, Chat, ...) ngoài những cuộc họp định kỳ cũng như bất thường. Việc giám sát của HĐQT đối với Ban Tổng giám đốc cũng được thực hiện qua báo cáo hoạt động của Ban tổng giám đốc gửi các thành viên hội đồng quản trị hàng tháng.

Trong năm 2016, Hội đồng quản trị đã thực hiện giám sát công tác quản lý, điều hành (lĩnh vực tài chính, kế toán; kinh doanh; sản xuất và đầu tư.) của Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý của công ty thông qua cuộc họp định kỳ hàng tháng, quý ; Kết quả giám sát đã được gửi cho các thành viên HĐQT trong báo cáo tháng.. Ban Tổng giám đốc định kỳ báo cáo Hội đồng quản trị hoạt động sản xuất kinh doanh, kết quả thực hiện các Nghị quyết của Hội đồng quản trị, các khó khăn và thuận lợi trong điều hành. Từ đó Hội đồng quản trị phối hợp với Ban tổng giám đốc đề ra các giải pháp tháo gỡ, khắc phục khó khăn trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

Nhìn chung công tác giám sát đối với Ban Tổng giám đốc được thực hiện thường xuyên và chặt chẽ, đảm bảo hoạt động của công ty diễn ra ổn định, an toàn, tuân thủ theo quy định của pháp luật, bám

sát mục tiêu, kế hoạch do Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông đã đề ra.

HDQT dự họp các cuộc họp của Ban tổng giám đốc về hoạt động sản xuất kinh doanh và giao ban công việc hàng quý, hàng tháng;

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập/*Activities of independent members of the Board of Directors*. Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị/*Activities of the committees of the Board of Directors*: (đánh giá hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp của từng tiểu ban, nội dung và kết quả của các cuộc họp/*assessment of activities of the committees of the Board of Directors, specifying the number of meetings of each committee, contents and results of the meetings*).

2. Ban Kiểm soát/ Board of Supervisors

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát/*Members and structure of the Board of Supervisors*: (danh sách thành viên Ban kiểm soát, tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành/*list of members of the Board of Supervisors, percentages of ownership in voting shares and other securities issued by the company*).

b) Hoạt động của Ban kiểm soát/*Activities of the Board of Supervisors*: (đánh giá hoạt động của Ban kiểm soát, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp của Ban kiểm soát, nội dung và kết quả của các cuộc họp/*Assessment of the Board of Supervisors, specifying the number of meetings, contents and results of the Board of Supervisors meetings*).

Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao của Ban kiểm soát trong năm 2016.

1. Các hoạt động của BKS trong năm 2016.

- ***Nhân sự Ban kiểm soát.***

Năm 2016 Ban kiểm soát hoạt động gồm có 03 thành viên, do Đại hội đồng cổ đông năm 2014 bầu ra bao gồm:

Bà Trương Thị Thu Hiền:	Trưởng ban
Bà Cao Thị Hoài Thu:	Thành viên.
Bà Lê Thị Hồng Liễu:	Thành Viên

Trong năm 2016 ban kiểm soát đã thực hiện 04 phiên họp định kỳ để phân công nhiệm vụ công ngoài ra còn thường xuyên trao đổi để phân công nhiệm vụ, và triển khai hoạt động giám sát theo kế hoạch đã được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông năm 2016.

- ***Hoạt động của các thành viên Ban kiểm soát.***

- Tham gia lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập: căn cứ vào tiêu chí và danh sách các đơn vị kiểm toán đã được trình tại ĐHĐCĐ năm 2016, sau khi phối hợp với Ban điều hành Công ty xem xét và đề xuất với HDQT phê duyệt và giao cho Tổng giám đốc ký hợp đồng kiểm toán với Công ty kiểm toán độc lập được chọn là: Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC.

- Tham gia buổi họp Hội đồng quản trị, kiểm tra giám sát quá trình thực hiện nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2016 của Hội đồng quản trị và Ban tổng giám đốc. Xem xét tính phù hợp của các Quyết nghị được Hội đồng quản trị thông qua trong công tác quản lý, điều hành trong năm 2016.

- Kiểm tra rà soát lại các Quy chế, quy trình nội bộ đã ban hành. Xem xét các báo cáo định kỳ do Ban tổng giám đốc lập.

- Kiểm tra rà soát lại sổ sách kế toán theo định kỳ, giám sát các báo cáo tài chính hàng Quý, năm 2016 của Công ty mẹ, công ty con và báo cáo tài chính hợp nhất nhằm đánh giá tính hợp lý, trung thực của các số liệu tài chính trước khi trình Hội đồng quản trị.

- Xem xét kế hoạch tài chính, kế hoạch đầu tư và việc thực hiện kế hoạch tài chính, các hoạt động đầu tư tài chính, tình hình đầu tư mua sắm tài sản cố định tại từng Công ty con và Công ty mẹ.

- Đồng thời phối hợp với kiểm toán độc lập trong việc kiểm toán Báo cáo tài chính. Giám sát nội dung, phạm vi tiến độ soát xét và kiểm toán BCTC năm 2016 theo hợp đồng kiểm toán đã được ký kết.

- Xem xét thư quản lý của kiểm toán viên độc lập và ý kiến phản hồi của Ban điều hành Công ty

- Thẩm định lại cáo của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc trước khi trình Đại hội đồng cổ đông.

Nhìn chung, trong năm 2016 sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát, Hội đồng quản trị và Ban tổng giám đốc đều thực hiện và tuân thủ theo đúng Điều lệ và Quy chế của Công ty. Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc đã tạo mọi điều kiện thuận lợi để Ban kiểm soát thực thi nhiệm vụ, những kiến nghị của Ban kiểm soát đều được Hội đồng quản trị nghiêm túc xem xét và phúc đáp đầy đủ.

2. Kết quả giám sát đối với các hoạt động, việc thực hiện chế độ kế toán, báo cáo tài chính và kết quả kinh doanh năm 2016.

2.1 *Nhật xét chung về tình hình hoạt động của Công ty.* Năm 2016 là một năm thành công của Thép Tiên lên, Công ty có sự tăng trưởng nhanh về doanh thu và đặt biệt là lợi nhuận. Để đạt được thành tựu đó Hội đồng quản trị, Ban điều hành Công ty CP Tập đoàn Thép Tiên lên và các công ty con đã điều hành một cách hiệu quả thông qua các chính sách phát triển bền vững mở rộng kinh doanh sản xuất.

Với những chiến lược hợp lý, tập trung chỉ đạo thường xuyên, quyết liệt các giảm pháp kinh doanh như : tiết kiệm chi phí sản xuất và lưu thông hàng hóa, thu gọn quy mô sản xuất không có hiệu quả, áp dụng các phương pháp mua bán hàng hóa linh hoạt và chú trọng tới tới các đối tượng khách hàng tiềm năng. Bên cạnh đó Ban điều hành đã nỗ lực giảm chi phí tài chính, chi phí lãi vay một cách hiệu quả.

2.2 *Giám sát về thực hiện chế độ kế toán, báo cáo tài chính, kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2016.*

Qua việc thăm tra báo cáo tài chính, Ban kiểm soát xin báo cáo kết quả thăm tra như sau:

Giám sát về việc thực hiện chế độ kế toán và báo cáo tài chính:

Báo cáo tài chính của Công ty phản ánh chính xác tình hình tài chính và hoạt động của Công ty tại thời điểm, thời kỳ, tuân thủ nghiêm ngặt chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành. Báo cáo được gửi đến cổ đông kịp thời phản ánh nhanh nhất được thực tế hoạt động của Công ty.

Báo cáo tài chính của Công ty năm 2016 được Công ty kiểm toán độc lập là Công ty TNHH Hàng kiểm toán AASC đánh giá là: Đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình hoạt động tài chính của Công ty CP Tập đoàn thép Tiên lên tại ngày

31/12/2016.

Giám sát về số liệu và kết quả kinh doanh:

Ban kiểm soát thống nhất về các số liệu đã được thể hiện trong BCTC riêng và BCTC hợp nhất năm 2016 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty kiểm toán độc lập.

Theo kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2016 được thông qua, Công ty đã thực hiện như sau:

STT	Các chỉ tiêu kinh tế	ĐVT	Kế hoạch năm 2016	Thực hiện năm 2016	Tỷ lệ % (+ /-)
1	Tổng sản lượng	Nghìn Tấn	450	505	+12.22%
2	Doanh thu thuần	Tỷ đồng	4.000	4.053	+1,33%
3	Tổng chi phí	Tỷ đồng	3.625	3.534	-2,54%
4	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	384	547	+42,45%
5	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	300	469	+56,33%

Lợi nhuận năm 2016 cũng là lợi nhuận lớn nhất mà Công ty đạt được từ nhiều năm trở lại đây, lợi nhuận sau thuế ghi nhận về cho cổ đông Công ty mẹ là 457 tỷ đồng.

Tóm tắt một số các chỉ tiêu tài chính

Đơn vị tính: Tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	Thời điểm 31/12/2015	Thời điểm 31/12/2016	Tỷ lệ (+tăng - giảm)
I	Tổng tài sản	1.812	2.394	+32,12%
	Tài sản ngắn hạn	1.210	1.772	+46,44%
	Tài sản dài hạn	602	622	+3,33%
II	Tổng nguồn vốn	1.812	2.394	+32,12%
	Nợ phải trả	971	1084	+11.64%

Vốn chủ sở hữu	840	1.310	+55.95%
----------------	-----	-------	---------

3. Giám sát về chi phí tài chính:

Năm 2016 Ban điều hành Công ty đã chủ động lập kế hoạch tài chính và sử dụng đúng mục đích nguồn tiền phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, luân chuyển vốn nhanh, giảm chi phí lãi vay. Mặc dù doanh thu và hàng tồn kho tăng vượt trội so với năm 2015 nhưng chi phí lãi vay năm 2016 giảm 9,6% so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận của các công ty liên doanh liên kết cũng đem về cho nguồn lợi nhuận hơn 28 tỷ đồng trong khi đó năm 2015 lỗ 8 tỷ đồng.

4. Kết quả giám sát đối với thành viên Hội đồng quản trị và Ban tổng giám đốc:

Trong năm 2016 Ban kiểm soát nhận thấy Hội đồng quản trị Ban tổng giám đốc đã thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình. Thực hiện nghiêm túc các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết của Hội đồng quản trị Công ty.

Trong năm 2016 Hội đồng quản trị đã tổ chức các phiên họp định kỳ và bất thường mang tính chất cấp bách để trao đổi, phân tích đi đến quyết định thống nhất giữa các thành viên. Nhờ các chủ trương linh hoạt và sáng tạo của Hội đồng quản trị trong năm 2016 Công ty đã thu được kết quả kinh doanh vượt trội.

Trước tình hình thị trường thép có những diễn biến phức tạp do áp lực từ cuộc khủng hoảng dư thừa kéo dài thì đây là sự tăng trưởng khá ấn tượng của Công ty điều đó thể hiện được những cố gắng rất lớn của thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc.

Trong công tác quản lý điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty Ban Tổng giám đốc đã không ngừng đổi mới, đồng thời triển khai xây dựng các cơ chế chính sách phù hợp với tình hình thực tế của Công ty

Ban Tổng giám đốc không ngừng nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ công nhân viên của Công ty, quan tâm đến công tác đổi mới tái cấu trúc doanh nghiệp.

Trong công tác tài chính kế toán, hệ thống sổ sách biểu mẫu rõ ràng, minh bạch. Công tác kiểm kê định kỳ được thực hiện đầy đủ, hàng hóa tài sản không thiếu hụt mất mát, số lượng thực tế đúng với sổ sách báo cáo

Trong năm 2016, Ban kiểm soát không nhận được bất kỳ kiến nghị nào của cổ đông lớn về sai phạm của Hội đồng quản trị, Ban tổng giám đốc trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.

5. Báo cáo đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với hội đồng quản trị và Ban tổng giám đốc

Trong năm 2016 Ban kiểm soát đã phối hợp chặt chẽ với hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc trong việc thực hiện các chủ trương của Đại hội đồng cổ đông. Ban kiểm soát được tham gia đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị định kỳ hoặc bất thường, được đóng góp ý kiến xây dựng hoàn thiện cơ chế chính sách cũng như công tác quản lý điều hành trực tiếp của Ban tổng giám đốc. Các Nghị quyết của Hội đồng quản trị được ban hành đều nhận được sự phân tích, đánh giá đồng thuận của tất cả các thành viên Ban kiểm soát.

Thực hiện vai trò kiểm soát được Đại hội đồng cổ đông giao phó Ban kiểm soát đã phối hợp với Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc giám sát kiểm tra các nghiệp vụ kinh tế phát sinh tại Công ty nhằm đưa ra các cảnh báo hạn chế rủi ro để xây dựng chính sách hoạt động hiệu quả

hơn

Sự phối hợp giữa Ban kiểm soát, Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc được thực hiện chặt chẽ đồng bộ theo sát chủ trương của Đại hội đồng cổ đông đề ra. Mọi thông tin điều hành của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc đều được cung cấp cho Ban kiểm soát nhằm thực hiện tốt vai trò giám sát của mình

6. Một số khuyến nghị của Ban kiểm soát:

Nhằm thực hiện tốt vai trò đại diện cho cổ đông để quyết định các chính sách điều hành Công ty, trong năm 2017 Ban kiểm soát khuyến nghị HĐQT và Ban điều hành Công ty thực hiện một số nội dung sau:

- Với tình hình kinh tế cũng như hoạt động của Công ty đã có chuyển biến theo chiều hướng tốt, có nhiều khởi sắc hơn vì vậy Ban Tổng giám đốc cần chú trọng mở rộng kinh doanh, tập trung tìm kiếm các hợp đồng xuất khẩu ra thị trường nước ngoài, tìm kiếm chọn lọc được các khách hàng tiềm năng bền vững.

- Tiếp tục thực hiện công tác kiểm soát chi phí.

- Rà soát lại hệ thống chính sách đã ban hành trong Công ty nhằm tránh các rủi ro về pháp lý.

- Tăng cường công tác thanh tra kiểm tra, kiểm soát số liệu, việc chấp hành tuân thủ các quy định về môi trường, an toàn lao động, phòng chống cháy nổ, đảm bảo phù hợp với các quy định của pháp luật.

- Có chính sách hỗ trợ nguồn nhân lực hiện tại nhằm mang lại hiệu quả cao trong hoạt động sản xuất kinh doanh

Kế hoạch công tác năm 2017 của Ban kiểm soát.

• Hoạt động chung:

Năm 2017, Ban kiểm soát sẽ tiếp tục thực hiện nhiệm vụ thay mặt cổ đông thường xuyên kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, quản trị điều hành của Công ty. Định kỳ hàng quý Ban kiểm soát sẽ tiến hành kiểm tra phân tích đánh giá các hoạt động của Công ty thông qua báo cáo tài chính, đồng thời kiểm tra đánh giá các hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc. Tham gia các cuộc họp Hội đồng quản trị để nắm bắt, đánh giá tình hình hoạt động của Công ty một cách chính xác và đưa ra cảnh báo các vấn đề rủi ro tiềm ẩn.

Trong hoạt động của mình, để đạt được hiệu quả tốt nhất Ban kiểm soát sẽ phải phấn đấu nhiều hơn nữa và rất mong nhận được sự hỗ trợ của các Quý vị cổ đông, Hội đồng quản trị cũng như sự phối hợp của Ban Tổng giám đốc và các bộ phận nghiệp vụ trong toàn tập đoàn.

• Hoạt động cụ thể:

1/ Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty.

2/ Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.

3/ Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của Công ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của công ty. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp thường niên Đại hội đồng cổ đông.

4/ Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty.

5/ Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của công ty.

6/ Có quyền tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của công ty.

7/ Có thể sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của Công ty để thực hiện các nhiệm vụ được giao.

8/ Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.

9/ Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật, Điều lệ Công ty và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát/ Transactions, remunerations and interests of the Board of Directors, Board of Management and Board of Supervisors

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích/*Salary, rewards, remuneration and benefits*: (Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích khác và chi phí cho từng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý. Giá trị các khoản thù lao, lợi ích và chi phí này phải được công bố chi tiết cho từng người, ghi rõ số tiền cụ thể. Các khoản lợi ích phi vật chất hoặc các khoản lợi ích chưa thể/không thể lượng hóa bằng tiền cần được liệt kê và giải trình đầy đủ/*Salary, rewards, remuneration and other benefits and expenses for each member of the Board of Directors, members of the Board of Supervisors, Director and General Director and managers. Values of such remuneration, benefits and expenses shall be disclosed in details for each person. Non-material benefits or interests which have not been/cannot be quantified by cash shall be listed and accounted for sufficiently*).

Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2016

Thực hiện nghị quyết Đại Hội đồng cổ đông thường niên năm 2016, mức thù lao cho các thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát của Công ty Cổ phần Tập đoàn Thép Tiến Lên trong năm 2016 như sau:

- + Chủ tịch Hội đồng Quản trị: **45.000.000** đồng/tháng/người x 1 người
- + Thành viên Hội đồng Quản trị: **5.000.000** đồng/tháng/người x 4 người
- + Trưởng ban Kiểm soát: **5.000.000** đồng/tháng/người x 1 người
- + Thành viên Ban Kiểm soát: **3.000.000** đồng/tháng/người x 2 người

Tổng chi phí thù lao cho HĐQT và BKS năm 2016 là 1.092.000.000 đồng.

Trong đó :

- + Thù lao Hội đồng quản trị là : 780.000.000 đồng
- + Thù lao Ban kiểm soát là : 312.000.000 đồng

Trong năm 2016 kết quả kinh doanh năm 2016 với sự chỉ đạo sát sao của Hội đồng quản trị, Ban điều hành công ty và các công ty thành viên đã đạt được kết quả khá ấn tượng, vượt cả hai tiêu chí. Về doanh thu kế hoạch là 4.000 tỷ đồng, thực hiện 4.042 tỷ đồng vượt 1,10% so với kế hoạch. Về lợi nhuận sau thuế, kế hoạch là 300 tỷ đồng, thực hiện là 469 tỷ đồng vượt 56,33% so với kế hoạch đề ra.

Căn cứ vào nghị quyết số 01/2016/ĐHĐCĐ ngày 17/04/2016 của Đại hội đồng cổ đông, thì Hội đồng quản trị và Ban điều hành được trích 2% phần lợi nhuận vượt kế hoạch để chi thù lao bổ sung cụ thể như sau :

(469 tỷ đồng – 300 tỷ đồng = 169 tỷ đồng x 2% = 3,38 tỷ đồng)

Đồng thời giao cho Chủ tịch Hội đồng quản trị phân phối số tiền thưởng trên và Báo cáo Đại hội đồng cổ đông trong kỳ họp gần nhất.

Đề xuất về mức thù lao đối với HĐQT và BKS năm 2017

Căn cứ vào mức thù lao đã tạm chi năm 2016 và chỉ tiêu kế hoạch năm 2017, Hội đồng quản trị đề xuất mức thù lao kế hoạch năm 2017 như sau :

- + Chủ tịch Hội đồng Quản trị: **45.000.000** đồng/tháng/người x 1 người
- + Thành viên Hội đồng Quản trị: **5.000.000** đồng/tháng/người x 4 người
- + Trưởng ban Kiểm soát: **5.000.000** đồng/tháng/người x 1 người
- +Thành viên Ban Kiểm soát: **3.000.000** đồng/tháng/người x 2 người

Đối với thành viên HĐQT, BKS hoạt động chuyên trách:

- Được hưởng lương, phụ cấp, tiền thưởng và các quyền lợi khác của Công ty;
- Được hưởng thù lao theo quy định của Công ty.

Đối với thành viên HĐQT, BKS hoạt động theo hình thức kiêm nhiệm:

- Không được hưởng lương, phụ cấp, tiền thưởng và các quyền lợi của Công ty;
- Được hưởng thù lao theo quy định của Công ty;

Trường hợp kết quả kinh doanh vượt kế hoạch, Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban điều hành công ty được trích 2% phần lợi nhuận vượt kế hoạch để chi thù lao bổ sung. Giao cho Chủ tịch Hội đồng quản trị phân phối số tiền thưởng trên và Báo cáo Đại hội đồng cổ đông trong kỳ họp gần nhất.

Mức thù lao chi trả cho thành viên HĐQT, BKS là trước thuế. Các thành viên HĐQT, BKS chịu trách nhiệm khai báo và nộp thuế thu nhập cá nhân theo quy định của nhà nước.

b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ/ *Transactions of internal shareholders*: (Thông tin về các giao dịch cổ phiếu của các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc), Kế toán trưởng, các cán bộ quản lý, Thư ký công ty, cổ đông lớn và những người liên quan tới các đối tượng nói trên/*Information about share transactions of the members of Board of Directors, members of the Board of Supervisors, Director (General Director), Chief Accountant, managers,*

Company Secretary, major shareholders and the affiliated persons).

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ/ *Contracts or transactions with internal shareholders*: (Thông tin về hợp đồng, hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đã được thực hiện trong năm với công ty, các công ty con, các công ty mà công ty nắm quyền kiểm soát của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc), các cán bộ quản lý và những người liên quan tới các đối tượng nói trên/*Information about the contracts, or transactions that Company's members of the Board of Supervisors, Director (General Director), managers and affiliated persons entered into or executed in the year with the company, subsidiaries, other companies in which the company hold the control rights.*

d) Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty/ *Implementation of regulations on corporate governance*: (Nêu rõ những nội dung chưa thực hiện được theo quy định pháp luật về quản trị công ty. Nguyên nhân, giải pháp và kế hoạch khắc phục/kế hoạch tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị công ty/*Clearly specify the contents which have not been implemented in accordance to the law on corporate governance. Reasons, solutions and remediation plans/plans to improve efficiency in corporate governance*).

VI. Báo cáo tài chính/ *Financial statements*

1. Ý kiến kiểm toán/*Auditor's opinions*

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán/*Audited financial statements* (Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2016 đã được kiểm toán) bao gồm:

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
A.	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.771.901.209.296	1.209.757.585.406
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	110	3	85.175.085.583	98.467.847.773
1.	Tiền	111		44.684.379.519	47.442.013.024
2.	Các khoản tương đương tiền	112		40.490.706.064	51.025.834.749
II.	Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	4	10.969.265.025	17.227.027.465
1.	Chứng khoán kinh doanh	121		17.202.950.886	23.903.937.316
2.	Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122		(6.233.685.861)	(6.676.909.851)
III.	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		271.776.478.184	314.068.237.901
1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	231.788.795.209	266.125.982.601
2.	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	6	25.647.413.515	20.359.712.121
3.	Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	7	10.620.000.000	10.620.000.000
4.	Phải thu ngắn hạn khác	136	8	6.559.562.191	18.286.646.512

5.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(2.839.292.731)	(1.324.103.333)
IV.	Hàng tồn kho	140	10	1.393.933.544.679	765.445.675.002
1.	Hàng tồn kho	141		1.414.547.457.418	860.931.279.342
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(20.613.912.739)	(95.485.604.340)
V.	Tài sản ngắn hạn khác	150		10.046.835.825	14.548.797.265
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151		704.161.403	941.399.313
2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		9.342.652.843	9.605.037.728
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	16	21.579	4.002.360.224
B.	TÀI SẢN DÀI HẠN	200		621.924.923.999	602.100.005.064
I.	Các khoản phải thu dài hạn	210		10.600.000	600.000
1.	Phải thu dài hạn khác	216		10.600.000	600.000
II.	Tài sản cố định	220		327.164.715.799	339.999.924.109
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	12	205.030.467.684	216.832.702.074
-	<i>Nguyên giá</i>	222		363.052.370.099	355.468.409.844
-	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(158.021.902.415)	(138.635.707.770)
2.	Tài sản cố định vô hình	227	13	122.134.248.115	123.167.222.035
-	<i>Nguyên giá</i>	228		130.115.306.720	130.115.306.720
-	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(7.981.058.605)	(6.948.084.685)
IV.	Tài sản dở dang dài hạn	240		89.515.555.921	84.687.093.916
1.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	11	89.515.555.921	84.687.093.916
V.	Đầu tư tài chính dài hạn	250	4	192.719.868.209	164.473.677.883
1.	Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		192.719.868.209	164.473.677.883
VI.	Tài sản dài hạn khác	260		12.514.184.070	12.938.709.156
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	14	12.514.184.070	12.938.709.156
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		2.393.826.133.295	1.811.857.590.470
STT	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
C.	NỢ PHẢI TRẢ	300		1.083.987.954.593	971.390.423.088
I.	Nợ ngắn hạn	310		1.083.832.154.593	970.623.302.190
1.	Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	103.765.251.200	111.265.855.973
2.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		15.985.001.879	5.264.160.077
3.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	16	38.016.018.602	1.053.789.928
4.	Phải trả người lao động	314		6.693.770.636	4.255.904.288

5.	Chi phí phải trả ngắn hạn	315	17	1.187.782.860	2.034.664.663
6.	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		72.000.000	108.000.000
7.	Phải trả ngắn hạn khác	319	18	2.585.591.103	2.957.600.524
8.	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	19	909.660.303.087	837.550.747.791
9.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		5.866.435.226	6.132.578.946
II.	Nợ dài hạn	330		155.800.000	767.120.898
1.	Phải trả dài hạn khác	337		155.800.000	180.570.306
2.	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	586.550.592
D.	VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.309.838.178.702	840.467.167.382
I.	Vốn chủ sở hữu	410	20	1.309.838.178.702	840.467.167.382
1.	Vốn góp của chủ sở hữu	411		846.455.640.000	846.455.640.000
	<i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>	<i>411a</i>		<i>846.455.640.000</i>	<i>846.455.640.000</i>
2.	Thặng dư vốn cổ phần	412		21.743.395.153	21.743.395.153
3.	Cổ phiếu quỹ	415		(8.993.360.790)	(8.993.360.790)
4.	Quỹ đầu tư phát triển	418		51.546.932.622	51.546.932.622
5.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		373.898.475.504	(83.008.033.868)
	<i>LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước</i>	<i>421a</i>		<i>(83.008.033.868)</i>	<i>86.339.584.695</i>
	<i>LNST chưa phân phối năm nay</i>	<i>421b</i>		<i>456.906.509.372</i>	<i>(169.347.618.563)</i>
7.	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		25.187.096.213	12.722.594.265
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		2.393.826.133.295	1.811.857.590.470

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Năm 2016

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	22	4.044.573.550.973	3.591.328.168.182
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02	23	2.144.922.083	1.059.965.530
3.	Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		4.042.428.628.890	3.590.268.202.652
4.	Giá vốn hàng bán	11	24	3.381.389.716.213	3.606.782.979.919

5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		661.038.912.677	(16.514.777.267)
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	25	6.400.690.250	7.251.316.473
7.	Chi phí tài chính	22	26	62.471.437.292	77.080.169.675
	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		62.071.147.672	64.560.726.730
8.	Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		28.246.190.326	(8.326.322.117)
9.	Chi phí bán hàng	25	27	49.168.707.825	37.889.139.819
10.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	28	39.207.783.567	44.360.804.999
11.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		544.837.864.569	(176.919.897.404)
12.	Thu nhập khác	31	29	4.143.203.552	14.694.584.539
13.	Chi phí khác	32	30	1.428.339.774	8.825.885.237
14.	Lợi nhuận khác	40		2.714.863.778	5.868.699.302
15.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		547.552.728.347	(171.051.198.102)
16.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	31	78.768.267.619	-
17.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		(586.550.592)	2.008.226.819
18.	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		469.371.011.320	(173.059.424.921)
19.	Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61		456.906.509.372	(169.347.618.563)
20.	Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông không kiểm soát	62		12.464.501.948	(3.711.806.358)
21.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	32	5.493	(2.018)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Năm 2016

(Theo phương pháp gián tiếp)

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2016 (VND)	Năm 2015 (VND)
I.	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1.	Lợi nhuận trước thuế	01		547.552.728.347	(171.051.198.102)
6.	Điều chỉnh cho các khoản				
-	Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		21.827.663.008	20.710.268.013
-	Các khoản dự phòng	03		(73.799.726.193)	95.589.216.942

-	Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(46.898.570)	103.841.894
-	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(31.616.827.201)	(3.619.285.006)
-	Chi phí lãi vay	06		62.071.147.672	64.560.726.730
15.	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		525.988.087.063	6.293.570.471
-	Tăng, giảm các khoản phải thu	09		40.630.704.551	55.935.534.169
-	Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(556.087.805.102)	107.639.820.722
-	Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		4.021.907.689	16.586.474.685
-	Tăng, giảm chi phí trả trước	12		661.762.996	559.623.792
-	Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		6.700.986.430	(1.310.044.100)
-	Tiền lãi vay đã trả	14		(62.514.107.606)	(62.526.062.067)
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(37.066.561.967)	(7.424.303.691)
-	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	246.993.178
-	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(266.143.720)	(3.040.466.371)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(77.931.169.666)	112.961.140.788
II.	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(11.311.470.305)	(51.725.900.526)
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		227.272.727	7.810.000.000
3.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		3.608.753.555	3.863.760.503
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(7.475.444.023)	(40.052.140.023)
III.	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1.	Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	(8.993.360.790)
2.	Tiền thu từ đi vay	33		3.622.147.228.963	3.386.535.157.679

3.	Tiền trả nợ gốc vay	34		(3.550.037.673.667)	(3.474.139.673.886)
4.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(90.297.750.500)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		72.109.555.296	(186.895.627.497)
	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(13.297.058.393)	(113.986.626.732)
	Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		98.467.847.773	212.447.953.164
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		4.296.203	6.521.341
	Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	3	85.175.085.583	98.467.847.773

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2016 (đường link Website [www.tienlengroup](http://www.tienlengroup.com))

Báo cáo tài chính công ty mẹ năm 2016 đã được kiểm toán :

Bảng cân đối kế toán công ty mẹ (đường link Website [www.tienlengroup](http://www.tienlengroup.com))

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh công ty mẹ (đường link Website [www.tienlengroup](http://www.tienlengroup.com))

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ công ty mẹ (đường link Website [www.tienlengroup](http://www.tienlengroup.com))

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính công ty mẹ (đường link Website [www.tienlengroup](http://www.tienlengroup.com))

**XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY
CONFIRMATION BY THE COMPANY'S LEGAL REPRESENTATIVE**



NGUYỄN MẠNH HÀ